



DAMSAN



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023

MỤC LỤC

A PHẦN MỞ ĐẦU

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT 04

1. Một số chỉ tiêu chính 06

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 07

1. Tầm nhìn 07

2. Sứ mệnh 07

3. Giá trị cốt lõi 07

B THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát 10

2. Quá trình hình thành và phát triển 11

3. Các giải thưởng nổi bật của DAMSAN 12

4. Ngành nghề và Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính 13

5. Địa bàn kinh doanh 15

6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 16

7. Vị thế 19

8. Các nhân tố rủi ro 20

C TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 26

1. Thông tin ngành 26

2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch 27

3. Kết quả kinh doanh qua các năm 28

4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận 29

5. Ban Tổng Giám đốc 30

6. Nhân sự và chính sách nhân sự 32

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN 34

1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 34

2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty 34

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 35

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU 36

1. Cổ phần 36

2. Cơ cấu cổ đông 36

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 37

D BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2023 40

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023 41

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 42

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023 43

1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2023 43

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2023 43

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI 44

1. Kế hoạch sản xuất 44

2. Đầu tư bất động sản 44

3. Phát triển năng lượng tái tạo 44

4. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024 45

5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty 45

E BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành 48

2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 48

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc 49

4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 50

F QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 52

II. BAN KIỂM SOÁT 56

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT 58

G PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG 62

II. TIÊU THỤ NƯỚC 62

III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG 63

IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 63

V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG 63

VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG 64

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023 65



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

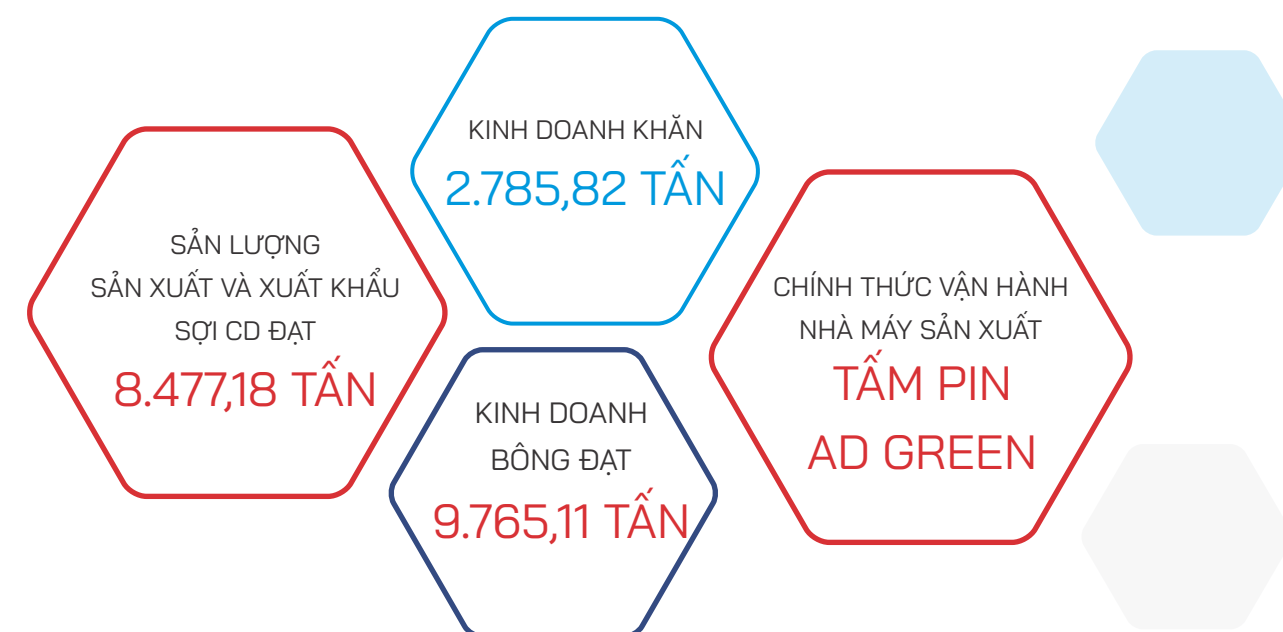
Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Damsan,

Thay mặt Công ty, Tôi muốn gửi đến toàn thể quý vị một lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, thành công trong mọi công việc. Trong bối cảnh một năm mới đã bắt đầu, tôi muốn chia sẻ một số nhận định về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Damsan trong năm 2023 vừa qua.

Hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty Cổ phần Damsan là lĩnh vực sản xuất sợi. Đây không chỉ là lĩnh vực có vai trò quan trọng trong nền kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc tham gia vào chuỗi cung ứng của nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng cho khách hàng trên toàn cầu. Trong năm 2023, kết quả kinh doanh của lĩnh vực sản xuất sợi của ADS được cải thiện khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc và Nhật Bản tăng trở lại.

Tổng kết năm 2023, ADS đã đạt được kết quả tương đối khả quan với sản lượng sản xuất và xuất khẩu sợi CD đạt 8.477,18 tấn; sản lượng sợi xe đạt 707,02 tấn; kinh doanh khăn 2.785,82 tấn, kinh doanh bông đạt 9.765,11 tấn.

Đối với lĩnh vực năng lượng mặt trời, sau quá trình xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD (với cổ đông lớn nhất là ADS) đã chính thức vận hành nhà máy sản xuất tấm pin AD Green lớn nhất tỉnh Thái Bình vào tháng 7/2023. Nhà máy AD Green được đầu tư qua 3 giai đoạn với tổng công suất lên đến 6 triệu sản phẩm/năm, tương đương công suất 3 GW. Hiện nhà máy đã hoàn thành xong giai đoạn 1 với 500 MW đã vận hành. Theo kế hoạch sắp tới, nhà máy AD Green sẽ được nâng cấp lên giai đoạn 2 với công suất lên 1 GW vào năm 2024, tiếp đó là giai đoạn 3 với công suất 3 GW vào cuối năm 2025.



Tổng kết năm 2023, Công ty Cổ phần Damsan đã đạt doanh thu thuần hợp nhất là 1.641,85 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 74,99 tỷ đồng.

Tuy nhiên, để tiến xa hơn và đạt được những mục tiêu lớn mà chúng ta đã đề ra, chúng ta cần phải duy trì và tăng cường sự cam kết và sự nỗ lực của mỗi cá nhân trong công ty. Chúng ta cần phải làm việc cùng nhau với tinh thần đoàn kết, sáng tạo và kiên nhẫn để vượt qua những thách thức và khó khăn.

Tôi tin rằng, với tinh thần cầu tiến sáng tạo và sự chủ động trong công việc, chúng ta sẽ tiếp tục đạt được những thành công lớn lao và phát triển bền vững trong thời gian tới.

Xin cảm ơn tất cả Quý vị đã đóng góp và đồng hành cùng sự phát triển của Công ty Cổ phần Damsan trong thời gian qua. Tôi cùng toàn thể ban lãnh đạo Công ty quyết tâm giữ vững tinh

thần làm việc chuyên nghiệp và đam mê để cùng nhau xây dựng một tập thể vững mạnh, cùng nhau đóng góp tạo nên các giá trị bền vững cho xã hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Vũ Huy Đông

1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

NỘI DUNG	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Doanh thu	1.705,14	1.339,29	1.513,15	1.692,60	1.641,85
Doanh thu thuần	1.705,14	1.339,01	1.513,15	1.692,56	1.641,85
Giá vốn hàng bán	1.648,34	1.275,63	1.335,82	1.555,06	1.455,82
Lợi nhuận gộp	58,5	63,38	177,33	137,51	186,02
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	9,64	28,1	113,61	86,23	86,46
Lợi nhuận sau thuế	8,28	24,44	100,49	74,94	74,99
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản	1.733,48	1.837,89	1.985,17	2.181,69	2.503,79
Vốn điều lệ	255,18	280,69	380,69	437,79	583,95
Vốn chủ sở hữu	405,96	422,14	583,90	657,09	918,25
Nợ phải trả	1.177,67	1.415,75	1.401,27	1.524,60	1.585,54

NỘI DUNG	NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU					
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) (%)	2,21	5,10	19,98	12,08	8,17
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA) (%)	0,58	1,18	5,26	3,60	3,00
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ (%)	25.517.800	28.069.450	38.069.450	43.779.034	58.394.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/ cổ phiếu)	371	750	2.952	1.705	1.120

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán các năm của ADS)

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu, tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển tập trung chuyển đổi vào lĩnh vực sản xuất công nghệ cao nhưng vẫn giữ cốt lõi là dệt may và bất động sản.



SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lấy tầng lớp thu nhập trung lưu và thu nhập thấp làm trung tâm.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Phục Vụ Khách Hàng:

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Đồng Tâm Hiệp Lực:

Mỗi người trong DAMSAN cần chung sức cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Liên Tục Cầu Tiến:

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

Cùng Nhau Phát Triển:

Gắn kết sự phát triển của DAMSAN với mọi người trong xã hội và mỗi cán bộ công nhân viên DAMSAN



B

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
3. CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT CỦA DAMSAN
4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
5. ĐỊA BÀN KINH DOANH
6. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
7. VỊ THẾ
8. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT



TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 15 tháng 08 năm 2023
VỐN ĐIỀU LỆ	538.947.270.000 đồng
ĐỊA CHỈ	Lô A4 – Đường Bùi Viện KCN.Nguyễn Đức Cảnh -Thành phố Thái Bình
SỐ ĐIỆN THOẠI	(022) 7364.3826
SỐ FAX	(022) 7364.2312
WEBSITE	http://damsanjsc.vn
MÃ CỔ PHIẾU	ADS
SÀN GIAO DỊCH	HSX

Tháng 03/2006

Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Hà Nội (Artexport) đã đàm phán hợp tác đầu tư thực hiện dự án Nhà máy kéo sợi dệt may hoàn tất công suất 3.500 tấn/năm tại Thái Bình. Tháng 4/2006, UBND tỉnh Thái Bình đã ra quyết định phê duyệt dự án và cho Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình thuê đất để xây dựng Nhà máy sợi tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thái Bình.

Tháng 05/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và các thành viên trong công ty XNK thủ công mỹ nghệ quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan và quyết định để cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan làm chủ đầu tư và thực hiện dự án.

Tháng 06/2006

Công ty khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình với các máy móc chính nhập từ Cộng hòa LB Đức và Thụy Sĩ.

Ngày 12/06/2006

Sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.

Tháng 6/2010

Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn khăn/năm tại khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông hưng, tỉnh Thái Bình. Các máy móc dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Cộng hòa LB Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản...

Năm 2013

Công ty được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế và được trao tặng giải thưởng Sao vàng Đất Việt cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Khai thác tối đa thị trường nước ngoài, đưa kim ngạch xuất khẩu khăn và sợi từ 32 triệu USD (năm 2012) lên 38,7 triệu USD (năm 2013).

Năm 2014

Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sợi OE, CD và kinh doanh bông nguyên liệu, kinh doanh sợi qua việc gia công, sản xuất và xuất khẩu khăn bông; Đầu tư thành công dây chuyền sợi cộc với 12.000 cọc và lắp đặt lại máy móc thiết bị cho phù hợp với sản xuất; Khởi công đầu tư xây dựng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, quy mô 18 tầng, 256 căn hộ; Xây dựng chủ trương dài hạn phát triển công ty tới năm 2018; Vận hành tài chính tiền tệ trong xuất nhập khẩu, đảm bảo có lãi.

Ngày 30/05/2011

Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLPH. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty về một doanh nghiệp hướng tới lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng, đồng thời cũng là cam kết về nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Năm 2009

Công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam vàng” của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 23 tháng 10 năm 2015

Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100,7 tỷ đồng lên 160,7 tỷ đồng với mục tiêu đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi Eiffel và nâng tổng công suất sản xuất sợi lên 16.560 tấn sợi/năm.

Ngày 19/11/2015

Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan, phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược của Công ty giai đoạn 2015 – 2020.

Năm 2015

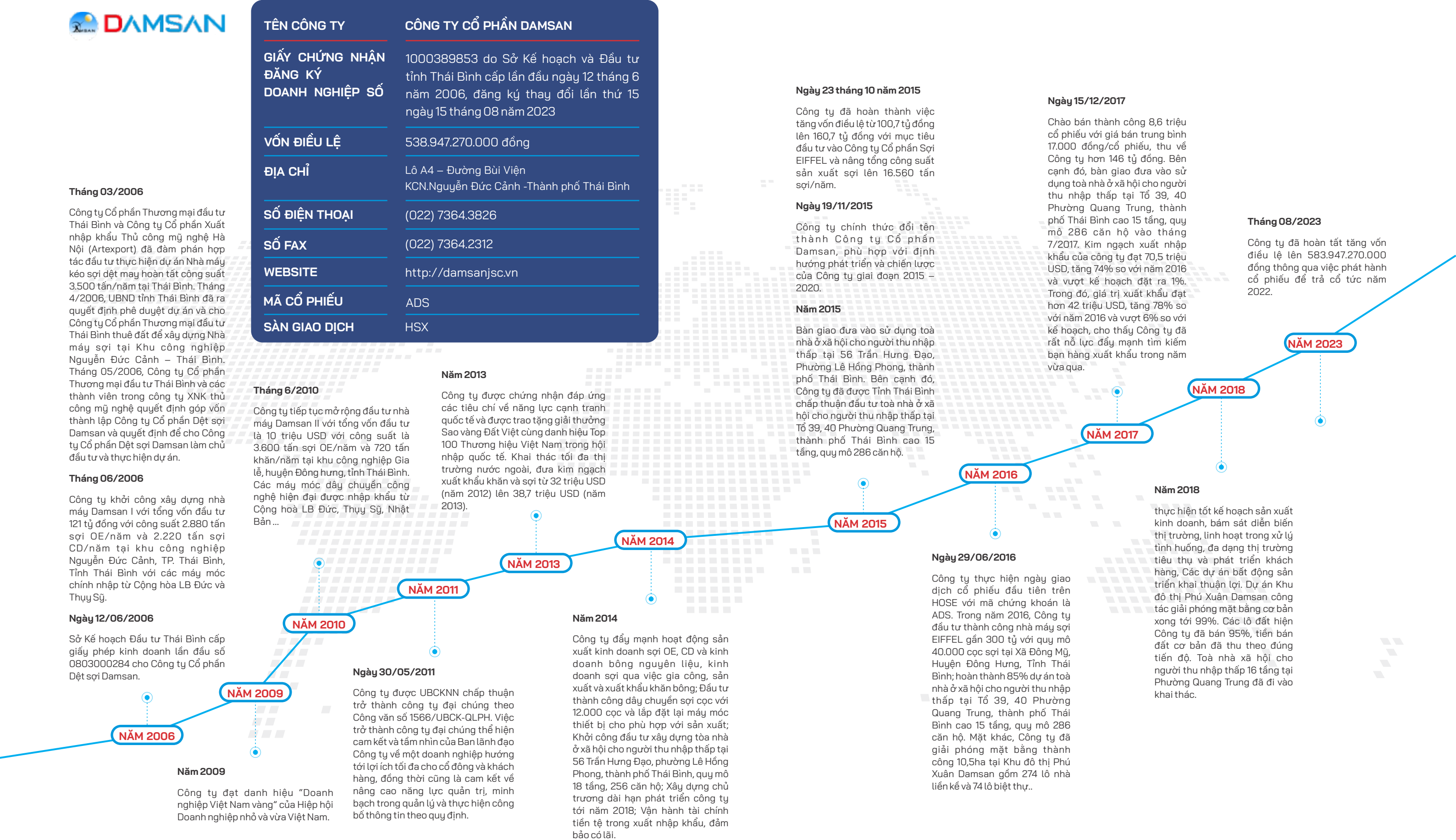
Bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình. Bên cạnh đó, Công ty đã được Tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ.

Ngày 15/12/2017

Chào bán thành công 8,6 triệu cổ phiếu với giá bán trung bình 17.000 đồng/cổ phiếu, thu về Công ty hơn 146 tỷ đồng. Bên cạnh đó, bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ vào tháng 7/2017. Kim ngạch xuất nhập khẩu của công ty đạt 70,5 triệu USD, tăng 74% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đặt ra 1%. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt hơn 42 triệu USD, tăng 78% so với năm 2016 và vượt 6% so với kế hoạch, cho thấy Công ty đã rất nỗ lực đẩy mạnh tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu trong năm vừa qua.

Tháng 08/2023

Công ty đã hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 583.947.270.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.



3. CÁC GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT CỦA DAMSAN



Công ty đạt được danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam Vàng”



Giải thưởng Sao vàng Đất Việt & Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế



Tập thể CBCNV CTCP Damsan nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



Top 500 Các doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam & Top 50 Công ty Việt Nam thịnh vượng có tốc độ phát triển nhanh nhất



Top 60 thương hiệu, sản phẩm uy tín của ngành xây dựng Việt Nam & Được tặng cờ thi đua của Chính phủ



CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2021, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh



CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2022, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh



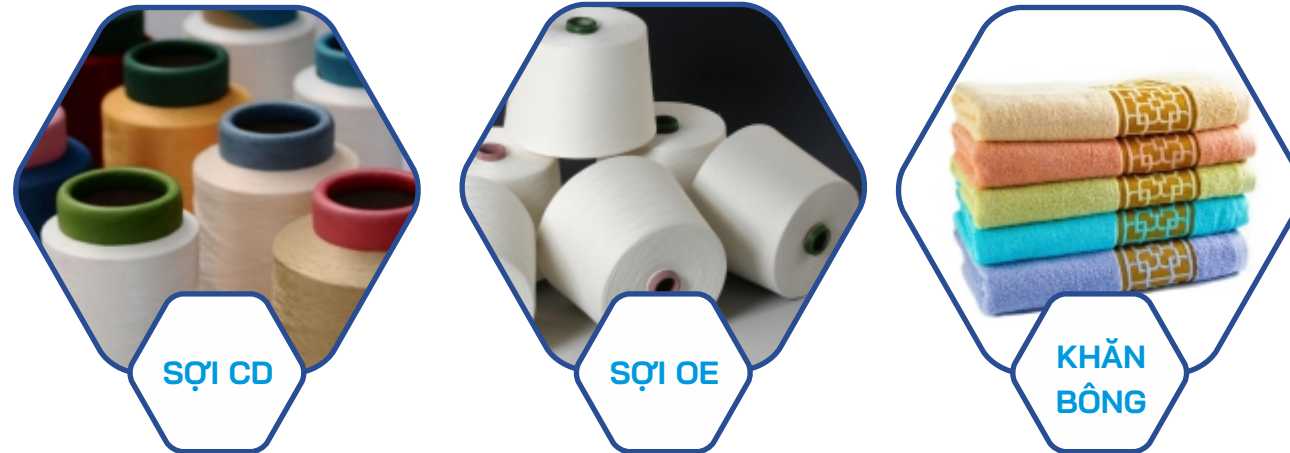
CTCP Damsan nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Thái Bình tuyên dương đơn vị có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2023

4. NGÀNH NGHỀ VÀ CÁC DỊCH VỤ KINH DOANH

MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
4212	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)
4221	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác.
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng ; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án ĐTXD; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu.
4102	Xây dựng nhà không để ở
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
4101	Xây dựng nhà để ở
1311 (Chính)	Sản xuất sợi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
1312	Sản xuất vải dệt thoi
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4321	Lắp đặt hệ thống điện

CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH CHÍNH

SẢN PHẨM SỢI KHĂN BÔNG



BẤT ĐỘNG SẢN



TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



5. ĐỊA BÀN KINH DOANH



SẢN PHẨM SỢI

- Tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam và xuất khẩu sang Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc...
- Khăn bông: sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ.



BẤT ĐỘNG SẢN

- Kinh doanh nhà ở xã hội: dành cho người thu nhập thấp tại Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình; Khu Đô thị Phú Xuân Damsan tại Phường Lý Bôn, Tỉnh Thái Bình.
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại xã An Ninh, huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

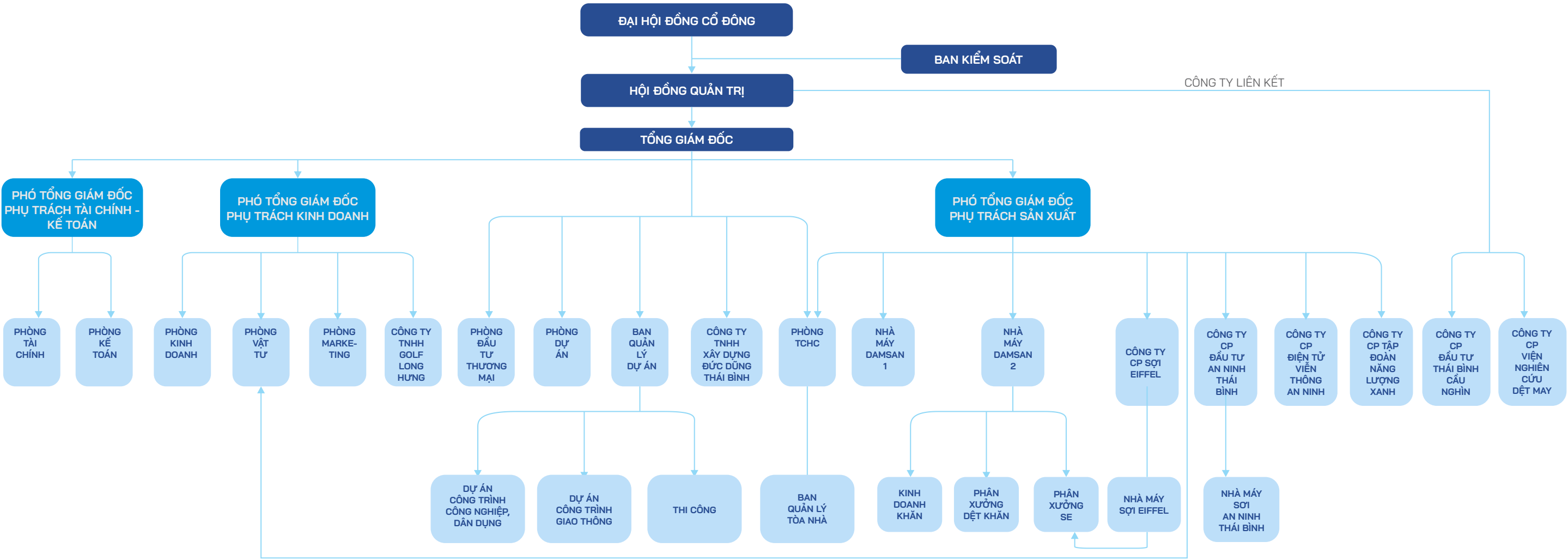


TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Cung cấp tấm pin năng lượng mặt trời cho các dự án nhà máy điện mặt trời, điện mặt trời áp mái, điện mặt trời hộ gia đình ... cho các tập đoàn, doanh nghiệp, hộ gia đình trong nước.

6. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

A MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Damsan (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ Công ty bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực: Tài chính – kế toán, Kinh doanh, Sản xuất và Trưởng phòng nhân sự.

B. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI EIFFEL

Lô 159/14, KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Thái Bình

Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
SẢN XUẤT SỢI KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	300 TỶ ĐỒNG	80%	29,81 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CP VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
SẢN XUẤT SỢI	50 TỶ ĐỒNG	30%	4,85 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN NINH THÁI BÌNH

Km18+500, đường 39B, cụm công nghiệp An Ninh, Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
SẢN XUẤT SỢI	135 TỶ ĐỒNG	35,56%	-18,49 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH CẦU NGHÌN

Lô 36, đường Chu Văn An - Dự án Khu dân cư Đạm San - Quang Trung, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
XÂY DỰNG CẦU, ĐƯỜNG BỘ	338,9 TỶ ĐỒNG	45%	0,44 TỶ ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NĂNG LƯỢNG XANH AD

Lô CN2, Km18+500, đường 39B, cụm công nghiệp An Ninh, Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình

Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế
SẢN XUẤT PIN VÀ ẮC QUY	173 TỶ ĐỒNG	22,89%	-5,87 TỶ ĐỒNG

7. VỊ THẾ

Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Là doanh nghiệp tư nhân, Công ty Cổ phần Damsan đã không ngừng nỗ lực, vượt qua những khó khăn thử thách từ các yếu tố bên ngoài đến nội bộ Công ty để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển bền vững và nắm bắt cơ hội từ xu thế dệt may toàn cầu và của Việt Nam. Công ty hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và quản lý gián tiếp 01 nhà máy thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Sợi Eiffel với tổng công suất 16.560 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm.

Hiện nay, Công ty đang chuyển hướng sang lĩnh vực bất động sản, cả bất động sản nhà ở lẫn bất động sản khu công nghiệp. Do bất động sản trước

giờ không phải là mảng kinh doanh chính của Công ty nên Công ty đang từng ngày nỗ lực xây dựng phát triển, hoàn thiện mình với quyết tâm cao nhất thông qua việc đầu tư những dự án bất động sản có pháp lý hoàn chỉnh, vị trí đắc địa, đẩy nhanh quá trình thi công các dự án... Từ đó, từng bước xây dựng vị thế Công ty trong lĩnh vực bất động sản tỉnh Thái Bình và trên toàn quốc.



Tháng 4/2023, Công ty Cổ phần Damsan ký kết hợp đồng cho thuê 2,3 ha đất công nghiệp tại CCN An Ninh với Công ty cổ phần Dược phẩm PHARBACO Thái Bình

Đồng thời Công ty cũng đã và đang tiếp tục phát triển mở rộng mảng kinh doanh hoạt động năng lượng xanh, trong đó Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD – công ty chuyên sản xuất các mặt hàng trong ngành quang điện, chủ yếu sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời. Hiện Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD đang sở hữu dây chuyền sản xuất tại nhà máy trên cụm công nghiệp An Ninh, xã An Ninh huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình với tổng diện tích 7,9ha; công suất tối đa của nhà máy là 3GW, sản lượng tối đa mỗi tháng có thể lên tới 50.500 tấm.

Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD hướng tới việc sản xuất các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế xuất khẩu đi Mỹ và các nước Châu Âu, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng đối với các sản phẩm năng lượng tái tạo trong nước và quốc tế.

Sau hơn 1 năm phát triển và xây dựng, Công ty cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD đã đưa vào vận hành nhà máy sản xuất tấm pin AD Green lớn nhất

tỉnh Thái Bình vào tháng 8/2023. Khi đi vào vận hành hết công suất dự kiến sẽ đóng góp khoảng 6.900 tỷ đồng doanh thu và đến gần 300 tỷ đồng lợi nhuận mỗi năm. Bên cạnh đó, sẽ tạo ra công ăn việc làm cho gần 1.000 Lao động địa phương, đóng góp đáng kể vào ngân sách, thúc đẩy kinh tế địa phương, chung tay trong việc chống biến đổi khí hậu toàn cầu.



8. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

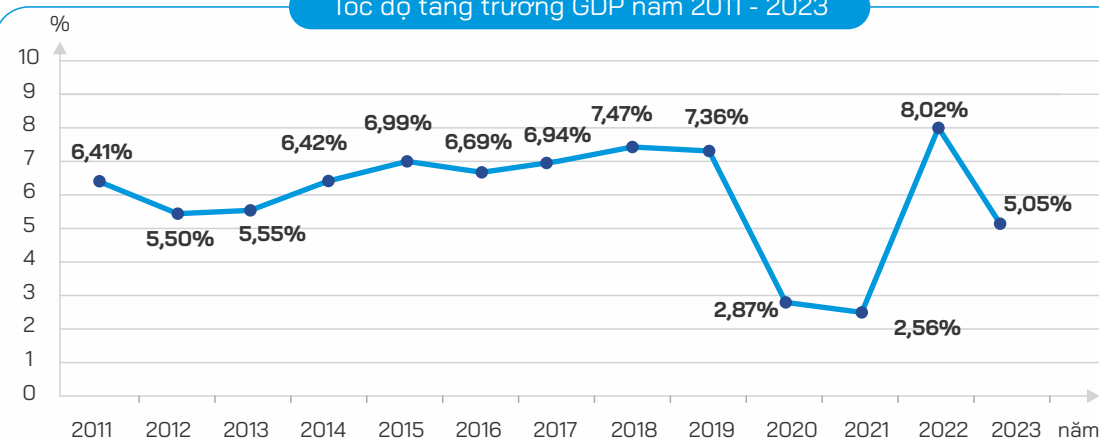
Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, sự thay đổi của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với biến động của các yếu tố vĩ mô.

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn nhưng nhà nước đã triển khai nhiều giải pháp giữ ổn định nền kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan.

Quy mô GDP năm 2023 ước đạt 430 tỷ USD, quy mô GDP bình quân đầu người năm ước đạt 101,9 triệu/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Tăng trưởng GDP của Việt Nam tuy không đạt so với mục tiêu nhưng vẫn cao hơn nhiều nước trong khu vực và thế giới.



Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế và mức độ chi tiêu của người dân. Việt Nam đã tăng trưởng tích cực bất chấp hậu quả của đại dịch Covid 19 vẫn còn dai dẳng cùng những bất ổn về địa chính trị thế giới. Bước sang 2024, nhìn chung, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Vì vậy, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.



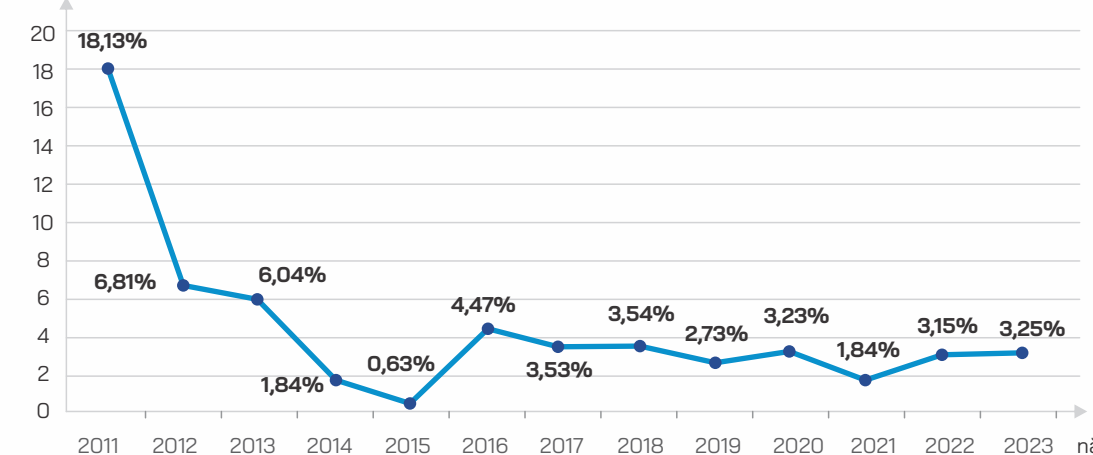
RỦI RO LẠM PHÁT

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp. Năm 2023, ngành dệt may phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá...

Lạm phát toàn cầu năm 2023 đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia. Tuy nhiên, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước kiểm soát tốt lạm phát khi Chính phủ vẫn có thể kiểm chế tỷ lệ lạm phát dưới 4%; cụ thể bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%; thể hiện sự quyết tâm cao độ của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành giá cả đồng thời thúc đẩy nền kinh tế.

Do tác động của lạm phát đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP NĂM 2011 - 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê



RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Nửa đầu năm 2023, lãi suất cho vay đang ở mức khá cao nhưng đến giai đoạn nửa cuối năm, các ngân hàng thương mại đã có ý thức trong vấn đề giảm lãi suất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Mặt bằng lãi suất chung giảm và ở mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Với bốn lần giảm lãi suất điều hành trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã giúp lãi suất cho vay hạ nhiệt mạnh trong nửa cuối năm, hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế.

Damsan chịu rủi ro phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty. Điều đó đòi hỏi Công ty phải theo dõi sát sao thị trường để có các phương án giải quyết phù hợp. Cụ thể để giải quyết vấn đề rủi ro lãi suất tồn tại, Công ty đã quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thương mại và các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Đồng thời Công ty cũng tuân theo các quy định pháp lý tại các quốc gia mà công ty có phát sinh hoạt động thương mại, mua bán hàng hóa ... đặc biệt liên quan đến các vấn đề như quy chuẩn chất lượng sản phẩm, quy trình xuất nhập khẩu

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty có bộ phận pháp lý thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi của pháp luật và ảnh hưởng đối với các dự án kinh doanh của Công ty. Liên tục đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nắm vững chuyên môn pháp lý, bên cạnh đó Công ty đã sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo chuẩn bị các thủ tục pháp lý dự án đầu tư cũng như quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.



RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro từ nguyên vật liệu

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất sợi và đặc biệt là bông/polyester chiếm tỷ trọng lớn nhất trong biến động giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Trước tình hình đại dịch toàn cầu, cũng như bất ổn kinh tế, ngành dệt may Việt Nam phải đối mặt với rủi ro vô cùng lớn về tồn kho ở cả nguyên vật liệu và thành phẩm do đây không phải mặt hàng thiết yếu. Hiện tại, Damsan chủ yếu nhập nguyên liệu từ Ấn Độ, nơi có giá thành bông thấp nhất thế giới. Việc Damsan nhập khẩu bông khối lượng lớn từ các doanh nghiệp Ấn Độ sẽ có rủi ro nhất định trong trường hợp các nhà cung cấp Ấn Độ không đáp ứng được yêu cầu giao hàng từ Damsan.



Rủi ro từ cạnh tranh

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Textthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt. Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Đối với hoạt động bất động sản, Công ty cũng đối mặt với những rủi ro cạnh tranh nhất định. Cùng với chính sách khuyến khích của Nhà Nước đối với các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng nhiều; thêm vào đó là sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực. Hơn nữa, Công ty mới chuyển mình sang hoạt động tại lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản. Bởi vậy, việc phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành là điều tất yếu.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Theo nhận định của ban lãnh đạo, rủi ro về môi trường liên quan đến các ngành nghề kinh doanh của Công ty là không cao, tuy nhiên trong hoạt động sản xuất có thể xảy ra một số phát sinh ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước cho môi trường xung quanh, hơn nữa các rủi ro về môi trường đều có ảnh hưởng về mặt pháp lý, nên Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường, mỗi dự án đều có các chuyên gia uy tín thẩm định, đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện.

RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro kể trên, còn có những rủi ro khác như: chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Damsan thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng trong đó xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản lý rủi ro. Đồng thời chính sách quản lý rủi ro cũng nêu rõ trách nhiệm trong việc quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng định hướng chiến lược và cơ cấu cho chức năng quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất cho Công ty.

Các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp có trách nhiệm trước hết trong việc quản lý rủi ro hàng ngày, gắn kết việc nhận thức và tuyên truyền về quản lý rủi ro trong bộ phận mình công tác. Công ty chú trọng công tác kiểm toán/kiểm soát nội bộ để đảm bảo rằng công tác quản lý rủi ro được thực thi có hiệu quả thông qua việc đánh giá theo chương trình, kế hoạch đã được đề ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Thông tin ngành
2. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch
3. Kết quả kinh doanh qua các năm
4. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận
5. Ban Tổng Giám đốc
6. Nhân sự và chính sách nhân sự

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn trong năm
2. Tiến độ thực hiện các Dự án của Công ty
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần
2. Cơ cấu cổ đông
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. THÔNG TIN NGÀNH

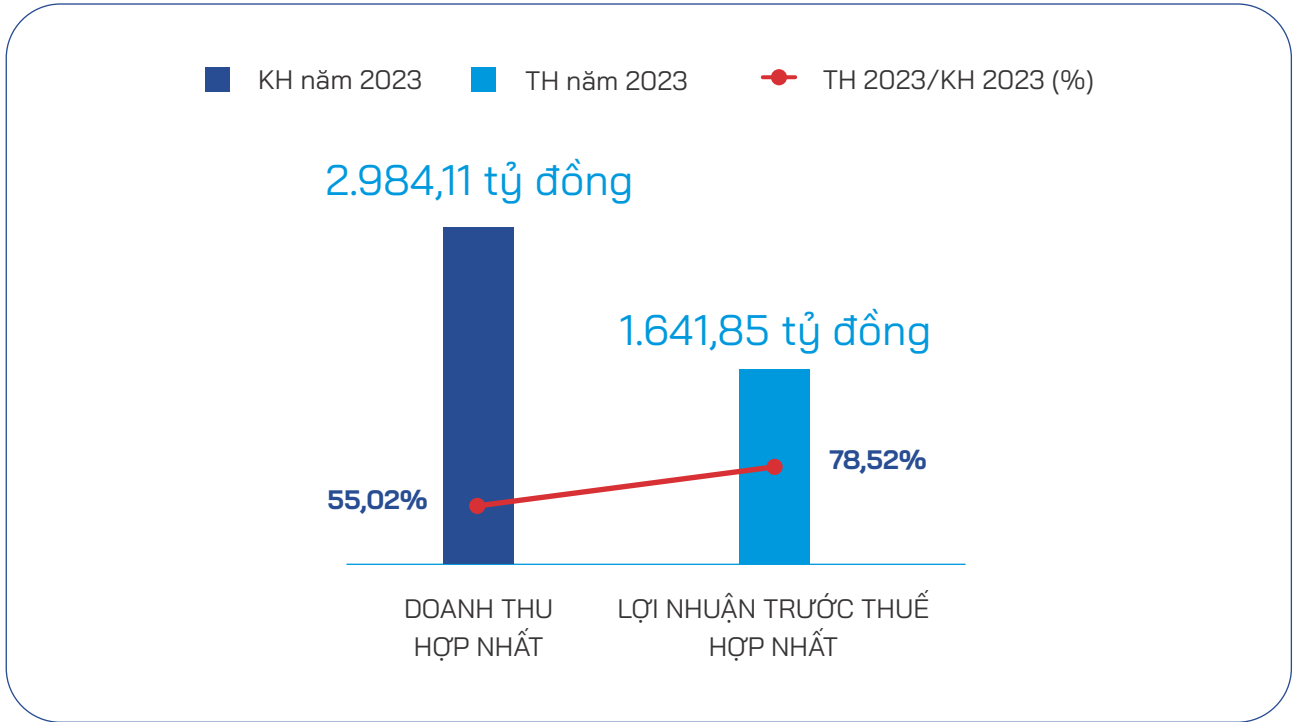
Ngành Dệt May Việt Nam nhìn chung vẫn tiếp tục xu hướng phục hồi, với sự suy giảm về giá trị xuất khẩu thu hẹp dần trong nửa cuối năm 2023. Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), nếu như năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đạt 44,4 tỷ USD, tăng gần 10% so với năm 2021 thì sang đến năm 2023, ngành dệt may phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá... Kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2023 ước đạt 40,3 tỷ USD, giảm 9,2% so với năm 2022. Xuất khẩu hàng may mặc ước giảm 3,1 tỷ USD, tương đương 8,9%, xuất khẩu vải ước giảm 186 triệu USD, tương đương 6,9%, xuất khẩu sợi ước giảm 485 triệu USD tương đương 10,3%, xuất khẩu nguyên phụ liệu ước giảm 218 triệu USD, tương đương 16%.

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm nhưng năm 2023 là năm xuất khẩu dệt may bứt phá về thị trường, với 104 thị trường và vùng lãnh thổ - nhiều nhất từ trước đến nay. Trong đó, thị trường lớn nhất của ngành dệt may Việt Nam vẫn là thị trường Mỹ, trong 9 tháng sản phẩm may mặc xuất khẩu vào thị trường Mỹ đạt trên 11 tỷ USD, Nhật Bản khoảng 3 tỷ USD, Hàn Quốc là 2,4 tỷ USD, EU là gần 2,9 tỷ USD. Đây là 4 thị trường trọng điểm của ngành dệt may. Tiếp đó, ngành dệt may xuất khẩu sang Canada khoảng 850 triệu USD, Trung Quốc 830 triệu USD, Campuchia hơn 600 USD, Anh 504 triệu USD...



2. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023



NGUYÊN NHÂN:

Ngành Dệt May Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của ADS nói riêng tiếp tục gặp tình trạng khó khăn trong năm 2023. với sự suy giảm về giá trị xuất khẩu thu hẹp dần trong nửa cuối năm 2023. Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), nếu như năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đạt 44,4 tỷ USD, tăng gần 10% so với năm 2021 thì sang đến năm 2023, ngành dệt may phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá... Kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2023 ước đạt 40,3 tỷ USD, giảm 9,2% so với năm 2022. Xuất khẩu hàng may mặc ước giảm 3,1 tỷ USD, tương đương 8,9%, xuất khẩu vải ước giảm 186 triệu USD, tương đương 6,9%, xuất khẩu sợi ước giảm 485 triệu USD tương đương 10,3%, xuất khẩu nguyên phụ liệu ước giảm 218 triệu USD, tương đương 16%



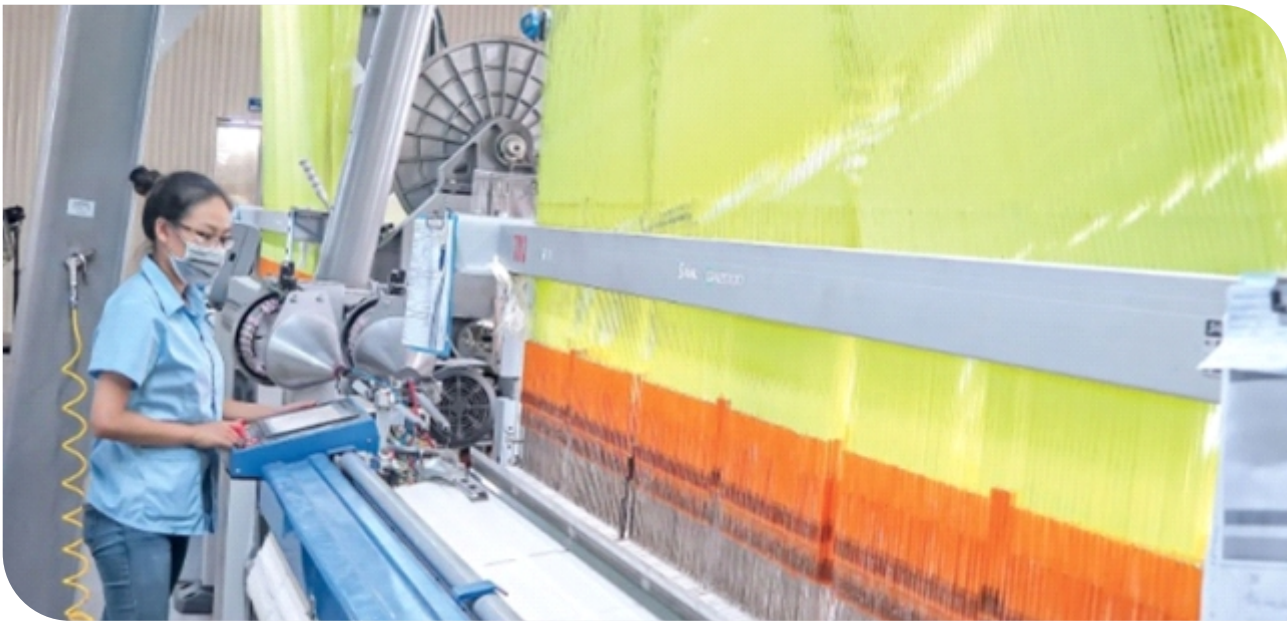
3. KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

BẢNG CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2019 – 2023

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2019	2020	2021	2022	2023	TĂNG TB 2019–2023 (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.733,48	1.837,89	1.985,17	2.181,69	2.503,79	6,23
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	255,18	280,69	380,69	437,79	583,95	14,45
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.705,14	1.339,01	1.513,15	1.692,56	1.641,85	-2,05
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.648,34	1.275,63	1.335,82	1.555,06	1.455,83	-2,34
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,64	28,1	113,61	86,23	86,48	8,81
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,28	24,44	100,47	74,94	74,99	7,34

Trong năm 2023, tổng tài sản hợp nhất của Công ty là 2.503,79 tỷ đồng (tăng 14,76% so với năm 2022). Tổng số vốn điều lệ của Công ty năm 2023 cũng đã tăng lên mức 583,95 tỷ đồng (tăng 33,39% so với năm 2022)

Doanh thu thuần hợp nhất trong năm 2023 của Công ty đạt 1.641,85 tỷ đồng, giảm khoảng 3% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 của Công ty là 74,99 tỷ đồng, tăng 0,07% so với năm 2022)



4. CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN

STT	CHỈ TIÊU	2022		2023		2023/2022	
		DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (Tỷ đồng)	LNG (Tỷ đồng)	DTT (%)	LNG (%)
1	Kinh doanh Bông	87,74	10,41	225,30	211,08	156,78%	36,60%
2	Kinh doanh sợi	843,18	-21,63	709,11	-24,65	-15,90%	13,96%
3	Kinh doanh khăn	349,07	23,19	347,60	29,17	-0,42%	25,79%
4	Kinh doanh Bất động sản	264,31	96,05	178,22	112,88	-32,57%	17,52%
5	Khác	184,30	29,53	181,62	54,41	22,47%	84,25%
Tổng cộng		1.692,60	137,55	1.641,85	186,02	-3,00%	35,24%

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2023 của Công ty đã có sự thay đổi đáng kể so với năm 2022.

Theo đó mảng kinh doanh bông của Công ty có mức tăng trưởng ấn tượng với giá trị doanh thu năm 2023 đạt 225,30 tỷ đồng, tăng 156,78% so với năm 2022. Tuy nhiên phần doanh thu từ các mảng hoạt động khác như kinh doanh sợi, khăn, bất động sản đều ghi nhận mức sụt giảm, trong đó mảng kinh doanh bất động sản của Công ty giảm nhiều nhất (chỉ đạt mức 112,68 tỷ đồng vào năm 2023, giảm 35,27% so với năm 2022).

Tuy nhiên khi nhìn vào bức tranh lợi nhuận gộp của Công ty có thể thấy mức tăng trưởng ấn tượng ở hầu hết các mảng. Điều này có được là do Công ty đã triển khai nhiều biện pháp để kiểm soát mức chi phí đầu vào trong giá vốn hàng bán của các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó tổng lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2023 đạt 186,02 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng ở mức 35,24% so với năm 2022.



5. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU NẴM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	3.382.489	5,79%
2	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc	121.670	0,21%
3	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	1.025.834	1,76%
4	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng giám đốc	341.791	0,59%
5	Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng	29.645	0,05%

Ông Vũ Huy Đức

Tổng giám đốc

Ngày sinh:

CMND/CCCD số:

Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

17/10/1979

034079008512 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2019

Số 08, Tổ 3, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình

Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

Tỷ lệ sở hữu

3.382.489

5,79%

Bà Vũ Phương Diệp

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh:

CMND/CCCD số:

Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

02/09/1986

013529662 – do CA Hà Nội cấp ngày 21/04/2012

Số 28, ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình

Cử nhân tài chính

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

Tỷ lệ sở hữu

121.670

0,21%

Ông Vương Quốc Dương

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh:

CMND/CCCD số:

Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

17/05/1985

051085000377 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018.

Số 28, Ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình

Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

Tỷ lệ sở hữu

1.025.834

1,76%

Ông Lê Xuân Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh:

CMND/CCCD số:

Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

16/10/1981

034181002802 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp

Thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

Tỷ lệ sở hữu

341.791

0,59%

Bà Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Ngày sinh:

CMND/CCCD số:

Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

16/10/1981

034181002802 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp

Thôn Phạm, xã Phú Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Cử nhân tài chính

Số cổ phần nắm giữ (cổ phiếu)

Tỷ lệ sở hữu

29.645

0,05%

6. NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

A. CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	TIÊU CHÍ	ĐVT	NĂM 2023	CƠ CẤU
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	64	25%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	34	12%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	-	7%
4	Lao động phổ thông	Người	275	56%
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	Người	234	55%
2	Lao động gián tiếp	Người	139	45%
III	Theo giới tính			
1	Nam	Người	176	52%
2	Nữ	Người	197	48%
TỔNG CỘNG		Người	373	100%

B. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.



Chế độ làm việc:

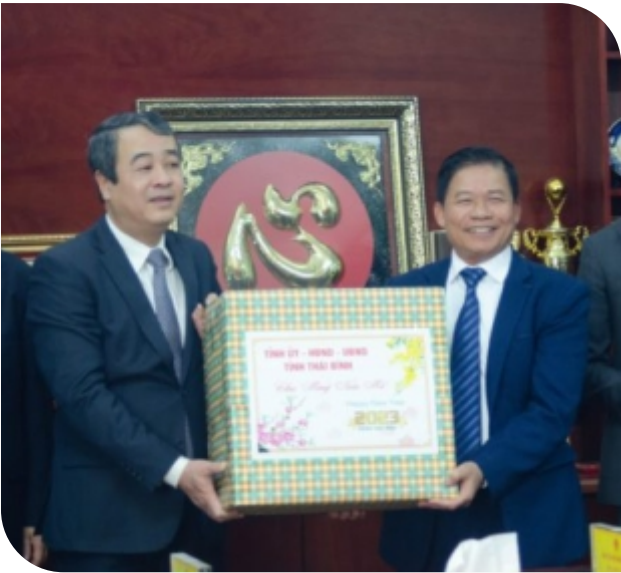
Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau, thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.



II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản tăng nguyên giá bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị là **79,48 tỷ đồng**. Cụ thể đó là phần được ghi nhận tăng tương ứng với phần diện tích cơ sở hạ tầng khu công nghiệp thuộc dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm.



2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY

Dự án Cụm công nghiệp An Ninh:

Hạ tầng kỹ thuật đạt 100%. Công ty đã ký kết với các nhà đầu tư xây dựng Nhà máy tại Cụm Công nghiệp An Ninh.

- Nhà máy sợi An Ninh: Hoạt động sản xuất ổn định.
- Nhà xưởng AD Green: tiến độ đạt 100%.
- Nhà xưởng cho thuê số 1: Đã hoàn thành và bàn giao cho đơn vị cho thuê là Công ty CP DK PAK
- Nhà xưởng cho thuê số 2 và số 3: Đã thi công xong 90%, phần nền chưa hoàn thiện đợi có đơn vị vào thuê sẽ hoàn thiện theo yêu cầu.
- Nhà xưởng cho thuê số 4: Đã hoàn thành và bàn giao cho đơn vị cho thuê là Công ty TNHH HongXi Technology Việt Nam



Dự án Khu dân cư Phường Bồ Xuyên:

Hạ tầng kỹ thuật xong 100%. Đang thực hiện việc xây thô cho các hộ dân. Xây dựng nhà xây thô đạt 27/41 lô.

Dự án Khu dân cư tổ 39, 40 Phường Quang Trung:

Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1. Xây dựng nhà xây thô đạt 15/18 lô, đạt 83%. - Dự án Phú Xuân: Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật. Xây dựng nhà xây thô đạt 272/302 lô, đạt trên 90%.

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Nghìn: Sản lượng thực hiện tính đến 31/12/2023 đạt 80 tỷ



3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2022	NĂM 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,22	1,32
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,90	0,97
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	%	69,88	63,33
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu		232,02	172,67
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,06	3,01
Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0,81	0,66
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	4,43	4,57
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	12,08	8,17
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	3,60	3,00
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	2,90	5,39

3.1. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2023, các chỉ số về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty không có nhiều thay đổi. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2022 là 1,22 và của 2023 là 1,32. Chỉ số thanh toán nhanh năm 2022 là 0,90 và của 2023 là 0,97. Nhìn chung, khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2023 được cải thiện và đáp ứng được nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm.

3.3 CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho năm 2023 là 3,01 vòng, không thay đổi nhiều so với năm 2022. Chỉ tiêu doanh thu thuần/ Tổng tài sản đạt mức 0,66 lần.

3.2. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2023 đã cho thấy sự chuyển dịch tích cực. Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là nợ ngắn hạn. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu trong năm 2023 là 172,67%, giảm đáng kể so với mức 232,02% trong năm 2022 đã cho thấy cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2023 đã ổn định hơn.

3.4 CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2023, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty như sau: ROS năm 2023 đạt 4,57%, chỉ số ROE 2023 đạt 8,17%, chỉ số ROA đạt 3,00%.

III. CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

1. CỔ PHẦN

Mã cổ phiếu:
ADS

Vốn điều lệ:
583.947.270.000 đồng

Số cổ phần phổ thông:
cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành:
58.394.727 cổ phần

Số cổ phiếu quỹ:
0 cổ phiếu

Mệnh giá:
10.000 đồng/cổ phần

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

BẢNG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2023

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (MỆNH GIÁ)	TỶ LỆ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1	Cổ đông lớn	18.958.990	189.589.900.000	32,47%	4
2	Cổ đông nhỏ	39.435.737	394.357.370.000	67,53%	3.639
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%	0
	Tổng	58.394.727	583.947.270.000	100%	3.643
1	Cổ đông trong nước	58.203.355	582.033.550.000	99,67%	3.612
1.1	Cổ đông tổ chức	606.131	6.061.310.000	1,04%	25
1.2	Cổ đông cá nhân	57.597.224	575.972.240.000	98,63%	3.587
2	Cổ đông nước ngoài	191.372	1.913.720.000	0,33%	31
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%	0
	Tổng	58.394.727	583.947.270.000	100%	3.643

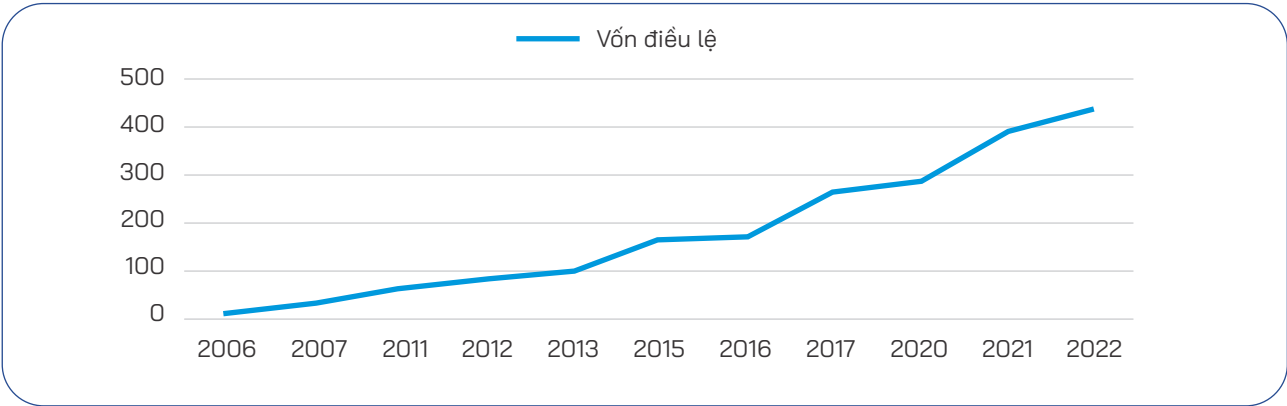
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (31/12/2023)

TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	SỐ CMND/ HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/ V%L
Ông Vũ Huy Đông	034055003633	Số 8, Trần Bình Trọng, Thái Bình	9.206.284	15,77%
Ông Vũ Huy Đức	034079008512	Số nhà 52, Ngõ 74 Trần Nhật Duật, Tổ 35, p.Đô Xuyên, TP Thái Bình	3.382.489	5,79%
Ông Đỗ Đức Khang	033079001978	Tây Hồ, Hà Nội	3.058.174	5,24%
Ông Nguyễn Lê Hùng	011652545	Huỳnh Thúc Kháng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	3.312.043	5,67%
TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA TẠI CÔNG TY LÀ 50%.				

3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Kể từ ngày thành lập, Công ty đã trải qua những lần tăng vốn như được trình bày dưới đây:

NĂM	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)	NỘI DUNG TĂNG VỐN
2006	12.000.000.000	Vốn điều lệ đăng ký thành lập
2007	32.329.000.000	Cổ đông hiện hữu
2010	60.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2012	80.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2013	100.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2015	160.700.000.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
2016	168.734.810.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2015
2017	255.178.010.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ
2020	280.694.500.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2019
2021	380.694.500.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
2022	437.790.340.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2021
05/2023	507.790.340.000	Chuyển đổi trái phiếu riêng lẻ thành cổ phiếu
08/2023	583.947.270.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2022



4. CHỨNG KHOÁN KHÁC

Công ty có số lượng trái phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2023 là **30.000 trái phiếu ADSH2224001** với mệnh giá trái phiếu **1.000.000 đồng/trái phiếu**. Đây là loại trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2023

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

1. Điều hành và quản trị Công ty trong năm 2023
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2023

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

1. Kế hoạch sản xuất
2. Đầu tư bất động sản
3. Phát triển năng lượng tái tạo
4. Giải pháp và biện pháp để thực hiện được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024
5. Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty



I. NHỮNG THÁCH THỨC VÀ THUẬN LỢI TRONG NĂM 2023

THÁCH THỨC:

Ngành Dệt May Việt Nam nhìn chung vẫn tiếp tục khó khăn, với sự suy giảm về giá trị xuất khẩu thu hẹp dần trong nửa cuối năm 2023. Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), nếu như năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đạt 44,4 tỷ USD, tăng gần 10% so với năm 2021 thì sang đến năm 2023, ngành dệt may phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá,.. Kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2023 ước đạt 40,3 tỷ USD, giảm 9,2% so với năm 2022. Xuất khẩu hàng may mặc ước giảm 3,1 tỷ USD, tương đương 8,9%, xuất khẩu vải ước giảm 186 triệu USD, tương đương 6,9%, xuất khẩu sợi ước giảm 485 triệu USD tương đương 10,3%, xuất khẩu nguyên phụ liệu ước giảm 218 triệu USD, tương đương 16%.

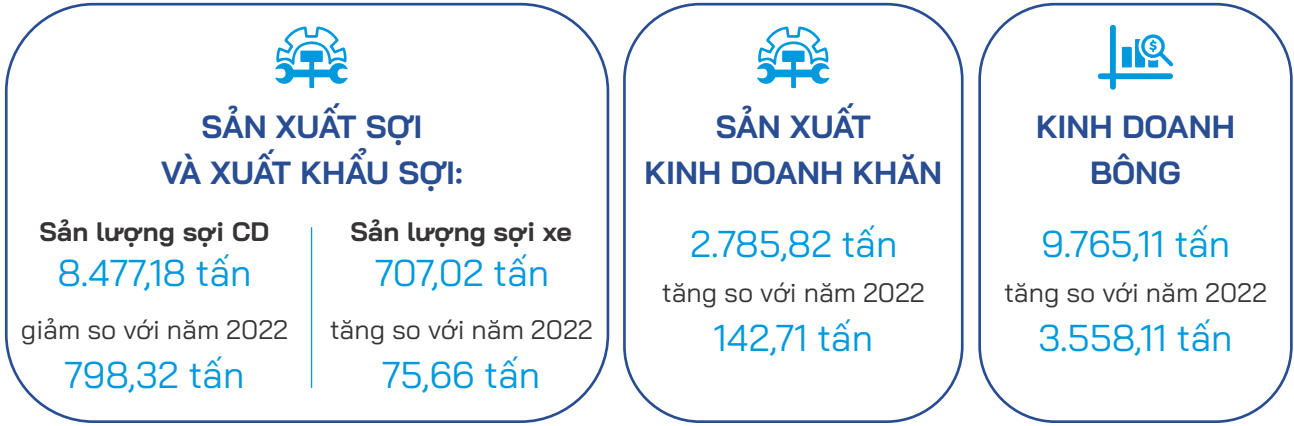
THUẬN LỢI:

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm nhưng năm 2023 là năm xuất khẩu dệt may bứt phá về thị trường, với 104 thị trường và vùng lãnh thổ - nhiều nhất từ trước đến nay. Trong đó, thị trường lớn nhất của ngành dệt may Việt Nam vẫn là thị trường Mỹ, trong 9 tháng sản phẩm may mặc xuất khẩu vào thị trường Mỹ đạt trên 11 tỷ USD, Nhật Bản khoảng 3 tỷ USD, Hàn Quốc là 2,4 tỷ USD, EU là gần 2,9 tỷ USD. Đây là 4 thị trường trọng điểm của ngành dệt may. Tiếp đó, ngành dệt may xuất khẩu sang Canada khoảng 850 triệu USD, Trung Quốc 830 triệu USD, Campuchia hơn 600 USD, Anh 504 triệu USD...



II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn, tiếp tục triển khai có hiệu quả các dự án trọng điểm của Công ty. Công ty Cổ phần Damsan vẫn đạt nhiều thành tựu trong hoạt động kinh doanh khi doanh thu hợp nhất của công ty đạt 1.641,84 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 74,99 tỷ.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2023	% +/- 2023/2022
1	Tổng tài sản	2.181,69	2.503,79	↑ 14,76%
2	Vốn chủ sở hữu	657,09	918,25	↑ 39,74
3	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.692,60	1.641,85	↓ -3,00%
4	Lợi nhuận trước thuế	86,23	86,48	↓ 0,29%
5	Lợi nhuận sau thuế	74,94	74,99	↑ 0,07%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023)

Về quy mô tổng tài sản hợp nhất của Công ty, năm 2023 giá trị tổng tài sản của Công ty đạt mức 2.503,79 tỷ đồng, tăng 14,76% so với năm 2022. Vốn chủ sở hữu năm 2023 của Công ty tăng mạnh 39,74% so với năm 2022 và đạt mức 918,25 tỷ đồng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất của Công ty đạt hơn 1.641,85 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty đạt 74,99 tỷ đồng, tăng 0,07% so với năm 2022.

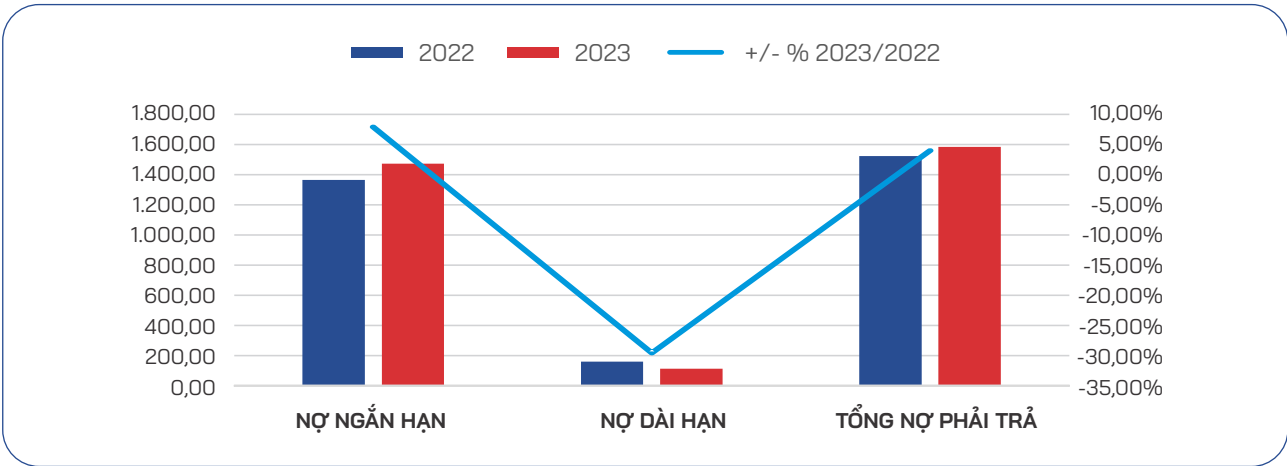
III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Năm 2023, tổng tài sản hợp nhất của công ty đạt 2.503,79 tỷ đồng, tăng 14,73% so với năm 2022. Cơ cấu tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm 77,72% (chủ yếu gồm hàng tồn kho, các khoản phải thu và tiền), tài sản dài hạn chiếm 22,28% (chủ yếu là tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

VỀ TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ



Tổng nợ phải trả hợp nhất của công ty năm 2023 là 1.585,54 tỷ đồng, tăng 7,93% so với năm 2022. Cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn với giá trị 1.472,93 tỷ đồng, chiếm 92,90% tổng nợ phải trả. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm tỷ lệ chính là các khoản phải trả ngắn hạn khác và vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là giá trị dư nợ vay ngân hàng và trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

1. ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2023

Định hướng nhận diện thương hiệu của công ty theo từng lĩnh vực:

- Lĩnh vực Dệt may (Sản xuất sợi cotton, khăn bông xuất khẩu, ...) qua các công ty con là Công ty cổ phần Sợi Eiffel, Công ty cổ phần sợi An Ninh.
- Lĩnh vực Bất động sản đô thị và công nghiệp (Xây dựng khu đô thị, phát triển cụm CN, Đường giao thông) qua công ty Cổ phần Damsan, Công ty cổ phần sợi Eiffel, Công ty cổ phần đầu tư Thái Bình Cầu Ngân.
- Lĩnh vực Điện năng lượng tái tạo (Sản xuất tấm pin năng lượng, đèn led...) qua công ty cổ phần tập đoàn năng lượng xanh AD. Nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại công ty.

Về tài chính: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

Về nhân sự: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.



2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY HỢP NHẤT NĂM 2023

Đơn vị: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	KH 2024/ TH 2023 (%)
1	Doanh thu thuần	1.641,85	2.984,11	81,75
2	Lợi nhuận trước thuế	86,46	110,09	27,33
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	15%	15%	-
4	Thu nhập bình quân	7.500.000 đồng/người	8.000.000 đồng/người	6,66

V. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ MỚI

1. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

Tập trung khai thác đầu tư hoàn thiện và hết công suất của các nhà máy sợi CD nâng công suất lên **12.000 tấn/năm**.

Khai thác và triển khai sản xuất các sản phẩm dệt may hoàn tất: nâng công suất của khăn lên **3.000 tấn/năm** phục vụ cho thị trường Nhật Bản và nội địa.

Tiếp tục thực hiện **triển khai sản xuất** thông qua các công ty thành viên: Công ty Cổ phần Sợi Eiffel, Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình, Công ty CP Tập đoàn năng lượng xanh AD, Viện Dệt may...

Mục tiêu từ năm 2024 năng lực sản xuất và xuất khẩu **đạt 70 triệu USD/năm** và năm 2025 sẽ tăng lên 120 triệu USD/năm...

2. ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Với lĩnh vực bất động sản đô thị hoàn thiện các dự án hiện có, xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Damsan là **doanh nghiệp bất động sản số 1 tại tỉnh Thái Bình**, đồng thời triển khai phát triển 1 số khu dân cư tại tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận.

Với lĩnh vực kinh doanh **nhà ở xã hội**: đẩy mạnh triển khai xây dựng 2 tòa nhà ở xã hội tại Khu đô thị Phú Xuân. Hiện tại đã hoàn thiện hồ sơ, dự kiến triển khai xây dựng trong năm 2024. Dự kiến 2025 hoàn thiện đồng thời mở rộng triển khai nhà ở xã hội tại các tỉnh lân cận là Nam Định và Hưng Yên.

Với **bất động sản công nghiệp**: phát triển quỹ đất công nghiệp từ 50ha lên 200ha Đầu tư Cụm công nghiệp An Ninh mở rộng 25ha; Cụm công nghiệp Vũ Ninh mở rộng 34ha và Cụm công nghiệp Ninh An 75ha.

3. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Đầu tư nghiên cứu **mở rộng lĩnh vực năng lượng tái tạo** thông qua Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng xanh AD tại Cụm công nghiệp An Ninh với định hướng là sản phẩm chủ lực trong giai đoạn 2024-2025 của Công ty, xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Châu Âu với doanh số đạt từ 50-70 triệu USD/năm với sản phẩm chủ yếu và tấm pin năng lượng và các sản phẩm trong chuỗi cung ứng sản xuất năng lượng mặt trời

4. GIẢI PHÁP VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Tổng nợ phải trả hợp nhất của công ty năm 2023 là 1.585,54 tỷ đồng, tăng 7,93% so với năm 2022. Cơ cấu nợ chủ yếu là nợ ngắn hạn với giá trị 1.472,93 tỷ đồng, chiếm 92,90% tổng nợ phải trả. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, chiếm tỷ lệ chính là các khoản phải trả ngắn hạn khác và vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đối với khoản mục nợ dài hạn, cơ cấu chủ yếu là giá trị dư nợ vay ngân hàng và trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.



5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn.





BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH
2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn đang tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng tăng. Tuy vậy nền kinh tế nước ta trong năm qua vẫn đạt kết quả khả quan, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Nhìn chung, nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi mới, mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Theo thông báo của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế ước đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%)

Tuy nhiên, đối với ngành dệt may, năm 2023 được coi là một năm khá khó khăn khi phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng sụt giảm, lãi suất tăng cao và chênh lệch tỷ giá... Ngoài ra, cộng đồng doanh nghiệp Dệt may còn phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường cũng như là áp lực về công ăn việc làm cho người lao động. Theo VITAS, kim ngạch xuất khẩu Dệt may năm 2023 dự kiến ước đạt 40,3 tỷ USD, giảm 9,2% so với năm 2022. Trong đó XK hàng may mặc ước giảm 3,1 tỷ

USD (tương đương 8,9%), XK vải ước giảm 186 triệu USD (tương đương 6,9%), XK xơ sợi ước giảm 485 triệu USD (tương đương 10,3%), XK nguyên phụ liệu ước giảm 218 triệu USD (tương đương 16%). Trong năm tới, nhiều thách thức từ thế giới và khu vực vẫn sẽ tác động lớn đến xuất khẩu, đầu tư, dòng tiền, nguồn lực lao động... sẽ có nhiều thay đổi, thị trường phục hồi nhưng tương đối chậm... Bối cảnh này đặt ra nhiều thách thức đối với DN dệt may như: Đơn hàng xuất khẩu còn giảm (dù đang có dấu hiệu dần quay trở lại); Chuỗi cung ứng còn rủi ro, chi phí đầu vào, Rủi ro nghĩa vụ trả nợ còn cao; Xu hướng chuyển đổi số Xu hướng xanh hóa, kinh doanh tuần hoàn diễn ra nhanh...

Đối với ngành bất động sản, có thể nói 2023 là một năm đầy “vất vả” của thị trường bất động sản Việt Nam khi đây là năm tiếp theo ghi dấu ấn nhiều “chia ly” nhất với 1286 doanh nghiệp giải thể, 80% môi giới bất động sản phải rời ngành. Nhiều vấn đề mang tính “nghịch lý” trên thị trường chưa được giải quyết một cách triệt để. Ngoại trừ phân khúc bất động sản công nghiệp duy trì được sự hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài, bất động sản năm 2023 cho thấy sự giảm sức hút, tạm đánh mất vị trí hàng đầu trong danh mục đầu tư của khách hàng. Tổng quát thị trường bất động sản tiếp tục ảm đạm, dòng tiền luân chuyển hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh áp lực đáo hạn và trả nợ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 lớn.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	2022	2023	% TĂNG TRƯỞNG
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.181,69	2.503,79	14,76
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	437,79	583,95	33,39
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.692,56	1.641,85	-13,63
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	1.555,06	1.455,83	-6,38
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	86,23	86,46	0,27
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	74,94	74,99	0,07

3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị như sau: Hội đồng quản trị kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nắm rõ tình hình hoạt động của công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Định kỳ đại diện Ban Kiểm soát báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro; báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đánh giá kế hoạch hành động cũng như các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế chưa để từ đó đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn hơn. Định kỳ nghe các Giám đốc/điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, kịp thời phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra hướng giải quyết. Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt

động kinh doanh từng quý, nhận định tình hình thị trường để từ đó rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị để Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

Đánh giá chung căn cứ Điều lệ, những quy chế và quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phươg hướng hoạt động của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông giao cho. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc/Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực và đã hoàn thành xuất sắc các hoạt động quản trị điều hành cũng như các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.



4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

A. MỤC TIÊU

Xây dựng Công ty Cổ phần Damsan vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý kinh doanh và chuyên gia giỏi.



B. ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN:

HĐQT đã đưa ra chủ trương chuyển mô hình quản trị Công ty, đưa mô hình Công ty từ trực tiếp sang văn phòng điều hành và định hướng sang nhận diện thương hiệu theo ngành: Dệt may; Bất động sản đô thị và công nghiệp; Bất động sản giao thông, nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại Công ty:

VỀ NGUỒN VỐN

Đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.

VỀ NGUỒN LỰC DỰ KIẾN

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

VỀ KINH DOANH

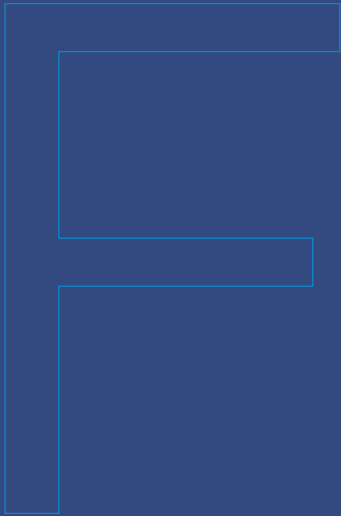
Bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

VỀ CÔNG NGHỆ

Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.

VỀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II.BAN KIỂM SOÁT

III.CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	9.206.284	15,77
2	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	2.669.500	4,57
3	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	3.312.043	5,67
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	828.664	1,42
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	-	-



Ông Vũ Huy Đông

- **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Ngày tháng năm sinh: 21/06/1955
- CMND/CCCD số: 034055003633 – do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/10/2017
- Địa chỉ: Số 01 đường Lê Trọng Thứ, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý nắm giữ tại công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sợi Eiffel



Ông Đỗ Văn Khôi

- **Thành viên HĐQT không điều hành**
- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1956
- CMND/CCCD số: 010060392 do CA Hà Nội cấp ngày 02/11/2011
- Địa chỉ: 22 phố Vũ Miên , Yên Phụ, Tây hồ, Hà nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý nắm giữ tại công ty khác: không

Ông Nguyễn Lê Hùng

- **Thành viên HĐQT không điều hành**
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1973
- CMND/CCCD số: 011652545 do CA Hà Nội cấp ngày 16/08/2007
- Địa chỉ: P1704 Hanoi Aqua Central, 44 Yên phụ, phường Trúc bạch, quận Ba đình, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Đại học Xây dựng
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý nắm giữ tại công ty khác: Giám đốc tài chính Công ty TNHH Minh Trí

Ông Lê Văn Tuấn

- **Thành viên HĐQT không điều hành**
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1961
- CMND/CCCD số: 011841151 do CA Hà Nội cấp ngày 27/05/2010
- Địa chỉ: Số 3 ngõ 53 phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý nắm giữ tại công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Bình Hà Nội

Ông Phạm Văn Thượng

- **Thành viên HĐQT độc lập**
- Ngày tháng năm sinh: 19/02/1985
- CMND/CCCD số: 030085004797 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018
- Địa chỉ: P2613 CC BMM, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng
- Số lượng chức danh thành viên HĐQT/ quản lý nắm giữ tại công ty khác: không

2. THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.



3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ
1	Ông Vũ Huy Đông	CT HĐQT	09	100%
2	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT	09	100%
3	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT	09	100%
4	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	09	100%
5	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	09	100%

Năm 2023, HĐQT của Công ty đã có nhiều nỗ lực, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ.
- HĐQT định hướng và giám sát triển khai các dự án quan trọng của Công ty như quản lý rủi ro, kiểm toán, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.



4. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	26022023-1/NQ - HĐQT	26/02/2023	Thông qua kế hoạch SXKD năm 2023	100%
2	26022023-2/NQ-HĐQT	26/02/2023	Về việc Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	03032023/NQ-HĐQT	03/03/2023	Thông qua thời gian đăng ký THQ chuyển đổi Trái phiếu thành cổ phiếu (Chuyển đổi đợt 1 của Trái phiếu ADSH2224001)	100%
4	21032023/NQ-HĐQT	21/03/2023	Thông qua việc phát hành cổ phiếu để THQ chuyển đổi trái phiếu (Chuyển đổi đợt 1 của Trái phiếu ADSH2224001)	100%
5	10052023/NQ-HĐQT	05/10/2023	Thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông hiện hữu	100%
6	2407/2023/NQ-HĐQT	24/07/2023	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	100%
7	16092023-1/NQ-HĐQT	16/09/2023	Triển khai phương án chào bán Cổ phiếu riêng lẻ	100%
8	0610/2023/NQ-HĐQT	10/06/2023	Thông qua việc thực hiện đăng ký giao dịch TP doanh nghiệp của công ty trên hệ thống giao dịch TPRL tại SGDC Hà Nội	100%
9	2711/2023/NQ-HĐQT	27/11/2023	Về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến NQ 16092023-1/NQ-HĐQT ngày 16/09/2023	100%

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm 2023 đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời và minh bạch trong công tác quản trị; tuân thủ đầy đủ các quy định đối với công ty đại chúng.

Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, bất thường để thông qua các vấn đề theo thẩm quyền; thường xuyên chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hết sức nỗ lực trong việc tìm kiếm, đề xuất và triển khai những giải pháp điều hành phù hợp, hiệu quả trong những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế xã hội năm 2023

II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	6.213	0,01%
2	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	803	0,00%
3	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	32	0,00%

2. ĐÁNH GIÁ SỐ BUỔI HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)
1	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	04	100%
2	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	04	100%
3	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	04	100%

3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy định pháp lý hiện hành. Cụ thể, Ban kiểm soát đã triển khai những công việc sau:

- Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.
- Tổ chức họp hàng tháng để kiểm điểm, triển khai công việc theo nhiệm vụ chức năng được giao.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc và hệ thống quản lý của Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch của Công ty năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện giám sát và phối hợp với Ban tổng giám đốc, tổ chức kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của đơn vị thành viên trong công ty.Trực tiếp làm việc với ban lãnh đạo công ty nhằm phát hiện những rủi ro, hoặc những thiếu sót để kiến nghị những giải pháp phù hợp với ban lãnh đạo, điều hành Công ty và các đơn vị.

- Theo dõi, kiểm tra việc xây dựng quy chế, quy định của công ty và việc thực hiện các quy chế, quy định đã ban hành.
- Xem xét việc thực hiện quy trình, trình tự thủ tục hồ sơ các Dự án đầu tư của Công ty.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo Quý, sáu tháng và một năm của Công ty
- Cử trưởng BKS tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Tham gia hội nghị công nhân viên người lao động, các cuộc họp do Tổng giám đốc chủ trì.



4. ĐÁNH GIÁ CỦA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với Hội đồng quản trị

Các hoạt động của HĐQT năm 2023 đã tuân thủ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, tổ chức họp thường xuyên, họp định kỳ hàng quý, họp bất thường khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận và quyết nghị những vấn đề chính yếu của Công ty, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Đề xuất giải quyết tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác những cơ hội thuận lợi, đầu tư phát triển hiệu quả, bảo toàn vốn, giải quyết kịp thời quyền lợi của cổ đông, chế độ đối với người lao động. Các Nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng, quyền hạn theo quy định của Pháp luật và điều lệ công ty. Các quyết định của HĐQT mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.

Với Ban Tổng giám đốc

Hoạt động của Công ty đã được ban điều hành triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và Điều lệ Công ty. Ban TGD đã chủ động khắc phục những khó khăn của nền kinh tế và thực trạng tình hình tài chính doanh nghiệp, phân công cơ cấu theo lĩnh vực và sát sao theo tình hình thực tế công việc. Công tác quản lý, điều hành của các đơn vị thành viên đã được cơ cấu theo hướng tích cực, năng động trong thực hiện nhiệm vụ SXKD về tài chính và nghĩa vụ quyền lợi rõ ràng hơn.



III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP (ĐỒNG)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	681.944.564
	Ông Nguyễn Lê Hùng	TV HĐQT không điều hành	130.000.000
	Ông Đỗ Văn Khôi	TV HĐQT không điều hành	169.000.000
	Ông Lê Văn Tuấn	TV HĐQT không điều hành	130.000.000
	Ông Phạm Văn Thượng	TV HĐQT độc lập	130.000.000
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	418.396.727
	Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc	423.481.737
	Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	436.270.864
	Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng giám đốc	425.346.551
BAN KIỂM SOÁT	Bà Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	212.232.542
	Bà Vũ Thùy Linh	TV BKS	226.680.514
	Bà Tạ Thị Thu Hiền	TV BKS	148.496.902
KẾ TOÁN TRƯỞNG	Bà Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng	229.271.923

2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	8.005.465	18,29%	9.206.284	15,77%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
2	Lương Thị Dung	Vợ Ông Vũ Huy Đông	366.775	0,84%	421.791	0,72%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
3	Vũ Huy Đức	Tổng giám đốc	2.591.295	5,92%	3.382.489	5,79%	Chuyển đổi 70% trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) -Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
4	Đào Thị Duyên	Vợ ông Vũ Huy Đức	214.590	0,49%	246.778	0,42%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
5	Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc	105.800	0,24%	121.670	0,21%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
6	Vương Quốc Dương	Phó Tổng giám đốc	612.030	1,40%	1.025.834	1,76%	Chuyển đổi 70% trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) -Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
7	Vũ Xuân Chiêu	Anh trai ông Vũ Huy Đông	18.013	0,04%	20.714	0,04%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
8	Vũ Thị Thảo	Chị gái ông Vũ Huy Đông	64.804	0,15%	74.524	0,13%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
9	Vũ Thị Thoa	Em gái ông Vũ Huy Đông	177.100	0,40%	203.665	0,35%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
10	Hoàng Thanh Văn	Em rể ông Vũ Huy Đông	106	0,00%	121	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
11	Vũ Thị Xuân	Em gái ông Vũ Huy Đông	85	0,00%	97	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
12	Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	1.621.305	3,70%	2.669.500	4,57%	Chuyển đổi 70% trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) -Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
13	Nguyễn Thị Oanh	Vợ ông Đỗ Văn Khôi	538.718	1,23%	619.525	1,06%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
14	Đỗ Đức Khang	Con trai ông Đỗ Văn Khôi	2.659.283	6,07%	3.058.174	5,24%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
15	Đỗ Thị Khuyên	Con gái ông Đỗ Văn Khôi	317.517	0,73%	365.144	0,63%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
16	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	720.578	1,65%	828.664	1,42%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
17	Nguyễn Thị Mên	Vợ ông Lê Văn Tuấn	66.412	0,15%	76.373	0,13%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
18	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	2.180.038	4,98%	3.312.043	5,67%	Chuyển đổi 70% trái phiếu thành cổ phiếu (đợt 1) -Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
19	Nguyễn Hồng Hạnh	Chị gái ông Nguyễn Lê Hùng	10.000	0,02%	11.500	0,02%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
20	Lê Xuân Chiến	Phó TGD	297.210	0,68%	341.791	0,59%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
21	Lê Văn Hiếu	Bố đẻ ông Lê Xuân Chiến	1.800	0,00%	2.070	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
22	Vũ Thị Đào	Mẹ đẻ ông Lê Xuân Chiến	1.800	0,00%	2.070	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
23	Bùi Thị Hường	Vợ ông Lê Xuân Chiến	1.915	0,00%	2.202	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
24	Lê Thị Huệ	Em gái ông Lê Xuân Chiến	1.800	0,00%	2.070	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
25	Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng	25.779	0,06%	29.645	0,05%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
26	Phạm Thị Hối	Trưởng BKS	5.403	0,01%	6.213	0,01%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
27	Vũ Thùy Linh	Thành viên BKS	28	0,00%	32	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
28	Vũ Văn Nhường	Bố bà Vũ Thùy Linh	663	0,00%	762	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
29	Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	699	0,00%	803	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu
30	Bùi Thị Thu Huyền	Người được ủy quyền CBTT	663	0,00%	762	0,00%	Trả cổ tức 15% bằng cổ phiếu

3. GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	TÊN CÔNG TY	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (TRIỆU ĐỒNG)	
		BÁN HÀNG	MUA HÀNG
1	Công ty Cổ phần sợi Eiffel	244.164	385.181
2	Công ty TNHH Đông Phong	106.118	142.785
3	Công ty TNHH XNK API	33.183	36.141
4	Công ty CP Tập đoàn năng lượng xanh AD	44.687	4.430
5	Công ty TNHH Golf Long Hưng	44.370	190.855
6	Công ty CP Đầu tư An Ninh Thái Bình	128.859	408.229
7	Công ty CP Đầu tư ADP	20.638	18.135

4. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Áp dụng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ – CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư 116/2020/TT – BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020
- Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

5. TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TIÊU CHÍ QUẢN TRỊ	GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ
Kế hoạch đào tạo, học tập về quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BGĐ lên kế hoạch để tham gia đầy đủ các khóa học/tập huấn về quản trị công ty do UBCKNN/HSX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của Sở GDCK TP Hồ Chí Minh
Quản trị tài chính – kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính – kế toán



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- I.TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG
- II.TIÊU THỤ NƯỚC
- III.TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG
- IV.TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
- V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG
- VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG
- VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

I. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

1. CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Bổ sung trồng nhiều cây xanh trong phạm vi Nhà máy để làm tăng quá trình hấp thụ CO2, cải tạo không khí.

Cần nâng cao ý thức tiết kiệm điện.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Nhà máy.



2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 10.767 tấn bông, sợi

II. TIÊU THỤ NƯỚC

1. LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

- Khối lượng (m3)
52.969
- Thành tiền - Chi phí (triệu đồng)
433,80
- Nguồn cung cấp
Công ty CP cấp nước Hoàng Diệu
Công ty CP nước sạch Thái Bình



2. TÁI CHẾ, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một số lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.



III. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

1. LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất doanh nghiệp.

- Khối lượng Kwh
2.516.768
- Thành tiền - chi phí (đồng)
5.577,78
- Nguồn cung cấp
Tổng công ty điện lực miền Bắc
Công ty Điện lực Thái Bình
Công ty TNHH Greenyellow Power Ventures

2. TIẾT KIỆM ĐIỆN

Công ty đã tiến hành thực hiện một chương trình tiết kiệm điện: tuyên truyền nâng cao ý thức người lao động trong việc sử dụng điện và tiến hành thay mới một số bóng đèn tiết kiệm điện.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

Công ty đã thực hiện xây dựng hệ thống điện áp mái tại KCN Gia Lễ và KCN Nguyễn Đức Cảnh định hướng phát triển năng lượng tái tạo cho toàn Công ty.



IV. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường, các đoàn thanh, kiểm tra Môi trường thường đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường. Công ty cũng không bị xử phạt hành chính về việc vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định.



V. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

VI. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Chia sẻ giá trị với cộng đồng được chúng tôi coi như một trong những sứ mệnh của mình và là một tiêu chí đo lường mức độ thành công của tổ chức. Thành công được chia sẻ mới có thể là thành công bền vững.

Xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty Cổ phần Damsan đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn.

Bên cạnh những đóng góp vào sự phát triển cộng đồng, chúng tôi cũng làm tốt trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo môi trường sống của cộng đồng địa phương bằng việc thực hiện nghiêm túc và tự giác các quy định và giải pháp về môi trường.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Thái Bình, ngày 17 tháng 4 năm 2024
Người đại diện pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo,
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 63

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thượng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng ban
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Dung	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 39 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có bất kỳ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này là Ông Vũ Huy Đông.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Huy Đông

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Số: 353/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Damsan (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 63 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024

Bùi Minh Đức

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.945.387.034.832	1.670.194.981.171
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	152.045.243.846	54.664.554.175
Tiền	111		151.960.243.846	54.579.554.175
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000	85.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	380.450.450.157	326.199.103.576
Chứng khoán kinh doanh	121	5.1	65.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	315.450.450.157	276.199.103.576
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		881.033.776.648	830.041.530.929
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	210.680.340.524	175.631.789.982
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	316.058.943.385	272.303.202.899
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	119.141.493.290	203.630.258.070
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	258.577.735.372	197.886.013.774
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(23.424.735.923)	(19.409.733.796)
Hàng tồn kho	140	11	518.206.692.341	448.378.013.291
Hàng tồn kho	141		518.206.692.341	448.378.013.291
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.650.871.840	10.911.779.200
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	659.418.215	558.290.789
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.986.066.777	10.346.356.907
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	5.386.848	7.131.504
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		558.405.222.070	511.499.770.708
Tài sản cố định	220		156.622.695.448	180.332.683.262
Tài sản cố định hữu hình	221	14	155.900.972.977	179.514.695.471
- Nguyên giá	222		444.425.393.215	440.045.175.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.524.420.238)	(260.530.480.003)
Tài sản cố định vô hình	227	15	721.722.471	817.987.791
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.563.583.904)	(1.467.318.584)
Bất động sản đầu tư	230	16	21.219.091.950	-
- Nguyên giá	231		140.048.094.171	79.480.882.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(118.829.002.221)	(79.480.882.796)
Tài sản dở dang dài hạn	240		49.394.788.548	2.181.768.111
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	49.394.788.548	2.181.768.111
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	295.164.611.597	303.348.536.841
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	295.164.611.597	303.348.536.841
Tài sản dài hạn khác	260		36.004.034.527	25.636.782.494
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.182.042.604	9.671.511.537
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		27.821.991.923	15.965.270.957
TỔNG TÀI SẢN	270		2.503.792.256.902	2.181.694.751.879

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.585.541.464.673	1.524.599.781.838
Nợ ngắn hạn	310		1.472.931.616.830	1.364.727.235.938
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	56.876.908.979	99.700.934.998
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	70.487.248.560	47.301.921.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	36.110.748.234	37.386.111.146
Phải trả người lao động	314		5.552.147.949	4.560.040.659
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.984.292.624	3.791.252.075
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	3.186.433.493	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	472.919.610.394	457.873.962.793
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	822.086.341.013	711.385.127.262
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.727.885.584	2.727.885.584
Nợ dài hạn	330		112.609.847.843	159.872.545.900
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	3.258.594.668	-
Phải trả dài hạn khác	337	23	8.982.902.513	1.915.311.067
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	70.533.179.796	59.893.349.604
Trái phiếu chuyển đổi	339	24	29.835.170.866	98.063.885.229
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		918.250.792.229	657.094.970.041
Vốn chủ sở hữu	410	25	918.250.792.229	657.094.970.041
Vốn góp của chủ sở hữu	411		583.947.270.000	437.790.340.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		583.947.270.000	437.790.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		62.638.303.935	60.125.420.714
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	24	1.076.949.952	5.424.054.503
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.274.952	10.410.274.952
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.998.095.991	99.543.713.046
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.570.578.287	32.142.728.278
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		58.427.517.704	67.400.984.768
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		179.885.873.123	41.507.142.550
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.503.792.256.902	2.181.694.751.879

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.641.849.464.703	1.692.604.265.015
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	39.930.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.641.849.464.703	1.692.564.335.015
Giá vốn hàng bán	11	28	1.455.825.774.548	1.555.058.688.487
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.023.690.155	137.505.646.528
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	46.794.809.826	34.078.254.674
Chi phí tài chính	22	30	87.044.325.327	76.430.214.303
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>59.589.188.333</i>	<i>44.353.769.091</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(7.434.255.244)	1.113.316.222
Chi phí bán hàng	25	31	13.263.117.610	17.223.196.686
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	36.537.439.750	29.996.528.239
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		88.539.362.050	49.047.278.196
Thu nhập khác	31	32	3.544.138.198	39.465.339.997
Chi phí khác	32	33	5.624.562.505	2.277.220.175
Lợi nhuận khác	40		(2.080.424.307)	37.188.119.822
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.458.937.743	86.235.398.018
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	11.256.574.395	11.256.354.291
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	212.319.830	35.450.845
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74.990.043.518	74.943.592.882
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		58.427.517.704	67.400.984.768
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16.562.525.814	7.542.608.114
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.120	1.705
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	870	1.361

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Vũ Huy Đông

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh				
Lợi nhuận trước thuế	01		86.458.937.743	86.235.398.018
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		74.278.057.184	104.737.842.510
Các khoản dự phòng	03		4.015.002.127	-
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.005.247.650	1.696.165.994
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(27.166.693.194)	(56.802.243.567)
Chi phí lãi vay	06		59.589.188.333	44.353.769.091
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		199.179.739.843	180.220.932.046
trước thay đổi vốn lưu động				
(Tăng) các khoản phải thu	09		(97.860.059.114)	(78.711.087.437)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(69.024.934.358)	148.409.464.376
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(40.845.787.959)	(40.858.954.156)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12		1.804.931.384	(25.125.360.915)
(Tăng) chứng khoán kinh doanh	13		(15.000.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.459.083.477)	(41.084.222.868)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.772.395.752)	(3.035.769.021)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(97.977.589.433)	139.815.002.025
doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và	21		(88.290.998.072)	(97.293.407.071)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22		3.262.370.371	47.524.894.753
các tài sản dài hạn khác				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(151.699.383.407)	(224.663.787.319)
của đơn vị khác				
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ	24		196.894.264.657	76.700.918.042
nợ của đơn vị khác				
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(163.806.742.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận	27		21.979.399.499	17.357.563.866
được chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30		(17.854.346.952)	(344.180.559.729)
tư				

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		125.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.047.881.836.672	1.761.131.628.025
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.944.677.076.069)	(1.618.331.192.738)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(7.816.735.480)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.175.000.000)	(10.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		213.213.025.123	132.300.435.287
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		97.381.088.738	(72.065.122.417)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	54.664.554.175	126.890.821.732
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(399.067)	(161.145.140)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	152.045.243.846	54.664.554.175

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Phạm Thị Dung

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Huy Đông

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần DamSan, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký số tiền là: 733.947.270.000 đồng (vốn điều lệ tại 31/12/2022 số tiền là: 437.790.340.000 đồng), vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 583.947.270.000 đồng; tương đương 58.394.727 cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: ADS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 470 người (tại ngày 31/12/2022 là 414 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất sợi, vải dệt thô, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân loại vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ, sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục).

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Công ty con:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel (*)	Thái Bình	46,67%	80,00%	Dệt sợi

(*) Mặc dù tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại Công ty Cổ phần Sợi Eiffel của Công ty đã giảm xuống còn 46,67% tại ngày 31/12/2023, nhưng Công ty vẫn đang nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Sợi Eiffel khi Ông Vũ Huy Đông – Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty vẫn đang giữ chức vụ chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Sợi Eiffel. Các thành viên trong Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sợi Eiffel đồng thời là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)****Công ty liên doanh, liên kết:**

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng xanh AD	Thái Bình	22,89%	22,89%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	35,56%	35,56%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển ngành dệt may

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con sẽ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cũng phải được trình bày thành chi tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm 2022.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)*****Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

3.7 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.8 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.8 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)*****Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phần cơ sở hạ tầng tại Dự án Khu công nghiệp An Ninh huyện Tiền Hải được Công ty ghi nhận doanh thu một lần thì Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí khác

Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước và thời gian mang lại hiệu quả kinh tế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.14 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.15 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả trong kỳ, gồm: Lãi trái phiếu phải trả và chi phí lãi vay ngân hàng;
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU**Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;

Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng

Công ty áp dụng quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Đồng thời, Công ty thực hiện trích khấu hao của bất động sản đầu tư một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.19 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)****Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

3.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

3.21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.22 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC*****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.24 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.24 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2023 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	493.141.908	9.377.452.457
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	151.467.101.938	45.202.101.718
- Các khoản tương đương tiền (*)	85.000.000	85.000.000
Cộng	152.045.243.846	54.664.554.175

(*) Tại 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 85.000.000 đồng được gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 2,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**5.1 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị trái phiếu	65.000.000.000	65.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
+ Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (**)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-
Cộng	65.000.000.000	65.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-

Các khoản đầu tư trái phiếu nắm giữ với mục đích kinh doanh bao gồm:

(*) Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình phát hành: số lượng trái phiếu: 500 trái phiếu; Mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; Ngày phát hành: 27/09/2019, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất năm: 8%/năm.

(**) Trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô phát hành:

- Số lượng trái phiếu: 200.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 24/12/2020, kỳ hạn trái phiếu: 07 năm. Lãi suất 6.9%/năm;
- Số lượng trái phiếu: 5.000 trái phiếu; Mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 31/12/2021, kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất 7,3%/năm;
- Số lượng trái phiếu: 200.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 29/12/2022, kỳ hạn trái phiếu: 08 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất 9%/năm;
- Số lượng trái phiếu: 150.000 trái phiếu; Mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, ngày phát hành 05/12/2023, kỳ hạn trái phiếu: 08 năm. Lãi trả 01 năm/ 1 lần với lãi suất 7,23%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**5.2 ĐẦU TƯ NẪM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	315.450.450.157	315.450.450.157	276.199.103.576	276.199.103.576
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Thái Bình	31.490.000.000	31.490.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	13.400.000.000	13.400.000.000	27.300.000.000	27.300.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Đô Hà Nội	22.256.864.100	22.256.864.100	21.676.308.500	21.676.308.500
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thái Bình	27.971.015.418	27.971.015.418	25.510.190.273	25.510.190.273
- Ngân hàng TMCP Quân đội- CN Thái Bình	12.460.129.648	12.460.129.648	31.001.616.133	31.001.616.133
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	88.510.876.536	88.510.876.536	80.692.007.975	80.692.007.975
- Ngân hàng TMCP Bắc Á- CN Thái Bình	24.568.095.891	24.568.095.891	23.000.000.000	23.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Thái Bình	-	-	1.074.317.808	1.074.317.808
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hòa Bình	5.000.000.000	5.000.000.000	5.093.767.123	5.093.767.123
- Ngân hàng TNHH INDOVINA	28.493.468.564	28.493.468.564	26.850.895.764	26.850.895.764
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
- Ngân hàng SinoPac - Thành phố Hồ Chí Minh	17.300.000.000	17.300.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Đa	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Cộng	315.450.450.157	315.450.450.157	276.199.103.576	276.199.103.576

(*) Các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng với lãi suất từ 2,7% /năm đến 8%/năm.

Tổng giá trị các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 số tiền là 315.450.450.157 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 276.199.103.576 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**5.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	301.681.742.000	295.164.611.597	301.681.742.000	303.348.536.841
+ Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may	31.575.000.000	33.946.315.097	31.575.000.000	33.241.794.841
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	182.506.742.000	182.401.214.975	182.506.742.000	182.506.742.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	48.000.000.000	40.942.097.795	48.000.000.000	48.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh	39.600.000.000	37.874.983.730	39.600.000.000	39.600.000.000
Cộng	301.681.742.000	295.164.611.597	301.681.742.000	303.348.536.841

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất sợi, nghiên cứu phát triển công nghệ ngành dệt may
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	Thái Bình	22,89%	22,89%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	Thái Bình	45,00%	45,00%	Xây dựng cầu, đường bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	Thái Bình	35,56%	35,56%	Sản xuất sợi

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ xem chi tiết tại Thuyết minh số 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	210.680.340.524	(12.617.047.260)	175.631.789.982	(8.810.360.235)
Phải thu khách hàng nước ngoài	27.804.047.163	(332.712.264)	21.766.883.212	(332.712.264)
- Kajun Co.,Ltd	1.655.088.814	-	2.304.170.207	-
- Jinjiang Hengfeng I&E Trading Co.,ltd	-	-	6.541.166.016	-
- Anhui Huamao Im&Ex Co.ltd	20.819.353.883	-	4.245.825.348	-
- Ya Mai Chi Co.,Ltd	768.066.242	-	752.193.967	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.561.538.224	(332.712.264)	7.923.527.674	(332.712.264)
Phải thu khách hàng trong nước	93.404.528.593	(12.284.334.996)	61.526.199.184	(8.477.647.971)
- Công ty Cổ phần Năng lượng xanh ADE	6.261.874.645	-	-	-
- Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	-	-	717.828.638	-
- Công ty Cổ phần xây dựng GM	8.708.661.963	-	8.305.212.174	-
- Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Thái Bình	743.217.852	-	18.179.131.101	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	-	-	4.306.670.162	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư ADP	28.761.334.766	-	-	-
- Công ty TNHH Nhôm Tengrong Việt Nam	11.111.690.012	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dệt May Đông Phong	3.865.149.100	-	-	-
- Công ty TNHH Golf Long Hưng	-	-	4.205.072.086	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	33.952.600.255	(12.284.334.996)	25.812.285.023	(8.477.647.971)
Phải thu khách hàng mua bất động sản	89.471.764.768	-	92.338.707.586	-
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình	29.328.206.428	-	29.328.206.428	-
- Khách hàng khác	60.143.558.340	-	63.010.501.158	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	210.680.340.524	(12.617.047.260)	175.631.789.982	(8.810.360.235)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan -	38.888.358.511	-	8.511.742.248	-

(Thuyết minh chi tiết số 40)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	316.058.943.385	(10.641.878.663)	272.303.202.899	(10.466.373.561)
- Công ty TNHH Golf Long Hưng	103.571.253.617	-	74.502.755.020	-
- Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình	-	-	542.053.809	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	101.515.236.149	-	136.183.484.941	-
- Công ty Cổ phần 369	-	-	1.694.673.655	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng Xanh AD	74.929.247.301	-	41.405.390.000	-
- Các đối tượng khác	36.043.206.318	(10.641.878.663)	17.974.845.474	(10.466.373.561)
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	316.058.943.385	(10.641.878.663)	272.303.202.899	(10.466.373.561)
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - <i>(Thuyết minh chi tiết số 40)</i>	187.037.552.440	-	74.502.755.020	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	119.141.493.290	(90.000.000)	203.630.258.070	(90.000.000)
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình (1)	64.136.694.512	-	62.005.526.423	-
+ Dự án Quang Trung	31.867.851.711	-	30.571.542.800	-
+ Dự án Phú Xuân	23.861.472.569	-	23.026.613.391	-
+ Dự án Bồ Xuyên	6.630.104.504	-	6.630.104.504	-
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	-	1.777.265.728	-
- Bà Vũ Phương Diệp (3)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
- Bà Trần Thị Bích Hạnh (2)	11.999.152.778	-	-	-
- Bà Hoàng Kim Thu (4)	22.800.000.000	-	7.300.000.000	-
- Công ty TNHH Golf Long Hưng	-	-	50.200.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	-	-	30.260.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Ninh Thái Bình	-	-	19.930.000.000	-
- Các khoản cho vay ngắn hạn khác	9.205.646.000	(90.000.000)	22.934.731.647	(90.000.000)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	119.141.493.290	(90.000.000)	203.630.258.070	(90.000.000)
Phải thu về cho vay là các bên liên quan -	11.090.000.000	(90.000.000)	61.290.000.000	(90.000.000)

(Thuyết minh chi tiết số 40)

(1) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.

Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư khu dân cư Lê Hồng Phong. và dự án Bồ Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.

(2) Hợp đồng hợp tác số 20.12.2023/DS-TBH ngày 20/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Damsan và Bà Trần Thị Bích Hạnh, mục đích cùng nhau hợp tác tìm kiếm các nguồn liên quan tới thị trường đầu ra của Công ty, Bà Hạnh dùng số 1.500.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Damsan để đảm bảo thực hiện hợp đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)**

(3) Căn cứ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 13.10.22/BB-HĐQT ngày 13/10/2022 của Công ty Cổ phần Sợi Eiffel thông qua phương án ủy quyền cho Bà Vũ Phương Diệp – Phó Tổng Giám đốc đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Sợi Eiffel gửi tại Ngân hàng Pcombank - CN Thái Bình và Quyết định số 13.10/QĐ-EF ngày 13/10/2022 về việc ủy quyền người đại diện phần vốn gửi tín dụng của Công ty Cổ phần Sợi Eiffel, số tiền gửi 11 tỷ đồng, thời gian 13 tháng kể từ ngày gửi. Bà Vũ Phương Diệp có trách nhiệm quản lý bảo toàn phần tiền vốn và tiền lãi của Công ty Cổ phần Sợi Eiffel gửi tại Ngân hàng và chuyển lại Công ty Cổ phần Sợi Eiffel khi tất toán sổ tiết kiệm. Số tiền này được sử dụng làm tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng Pcombank - CN Thái Bình.

(4) Các Hợp đồng cho vay tiền giữa Công ty Cổ phần Damsan và Bà Hoàng Kim Thu, kỳ hạn 12 tháng, tài sản đảm bảo cho khoản vay của Bà Hoàng Kim Thu là vốn góp của Bà Vũ Thị Linh với số tiền 40 tỷ đồng góp vốn tại Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	258.577.735.372	(75.810.000)	197.886.013.774	(43.000.000)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.152.533.935	-	7.289.105.652	-
- Tạm ứng	46.189.975.856	-	68.195.326.594	-
- Ký cược, ký quỹ	2.701.260.290	-	-	-
- BQL, các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình	1.041.196.000	-	1.041.196.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình (1)	7.071.411.542	-	7.056.676.720	-
- UBND tỉnh Thái Bình (2)	4.061.960.841	-	4.347.661.275	-
- Sở Tài chính tỉnh Thái Bình (3)	76.583.390.018	-	76.100.026.913	-
- Công ty Cổ phần Lam Sơn	9.894.830.528	-	11.225.460.744	-
- Đặng Thị Vân (4)	41.500.000.000	-	-	-
- Hoàng Kim Thu (5)	32.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	24.381.176.362	(75.810.000)	22.630.559.876	(43.000.000)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	258.577.735.372	(75.810.000)	197.886.013.774	(43.000.000)
Phải thu khác là các bên liên quan - <i>(Thuyết minh chi tiết số 40)</i>	19.507.702.287	-	16.600.671.022	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

(1) Lãi dự thu Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.

(2) Lãi dự thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng và thi công khu nhà ở xã hội Quang trung, khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Quang Trung.

(3) Tiền thu hộ theo QĐ số 4581/UBND-KT ngày 24/11/2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(4) (5) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.2023/EIFFEL-NTT ngày 01/05/2023 và hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02.2023/EIFFEL HKT ngày 01/08/2023 thời gian hợp tác 1 năm, tài sản đảm bảo cho khoản hợp tác là cổ phần sở hữu tại một số công ty.

10. NỢ XẤU

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.042.996.740	6.618.260.817	(23.424.735.923)	30.042.996.740	10.633.262.944	(19.409.733.796)
- Ghulam Rabbani and Co	833.194.874	-	(833.194.874)	833.194.874	-	(833.194.874)
- Sofeene enterprises	761.021.813	-	(761.021.813)	761.021.813	-	(761.021.813)
- LGW Limited	545.706.638	-	(545.706.638)	545.706.638	-	(545.706.638)
- Saurashatra cotton & Agro Products	405.703.253	-	(405.703.253)	405.703.253	-	(405.703.253)
- Đối tượng khác	27.497.370.162	6.618.260.817	(20.879.109.345)	27.497.370.162	10.633.262.944	(16.864.107.218)
Cộng	30.042.996.740	6.618.260.817	(23.424.735.923)	30.042.996.740	10.633.262.944	(19.409.733.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.581.855.588	-	13.926.826.016	-
Công cụ, dụng cụ	9.093.897.543	-	10.668.000.731	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	437.490.004.059	-	362.061.285.583	-
Thành phẩm	39.211.624.891	-	46.534.792.550	-
Hàng hóa	14.829.310.260	-	11.098.149.701	-
Hàng gửi bán	-	-	4.088.958.710	-
Cộng	518.206.692.341	-	448.378.013.291	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Dự án phát triển nhà ở khu dân cư xã Phú Xuân, TP. Thái Bình (*)	143.524.680.753	-	113.627.286.195	-
- Dự án nhà ở xã hội, nhà ở thương mại Quang Trung (*)	29.671.217.522	-	30.135.375.886	-
- Dự án liên kề khu Quang Trung (*)	19.521.334.738	-	24.969.042.043	-
- Dự án Bò Xuyên (*)	80.890.964.740	-	24.977.194.567	-
- Dự án VP Hồ Chí Minh	16.201.276.540	-	16.201.276.540	-
- Cụm CN An Ninh - Tiền Hải	131.990.530.621	-	27.742.099.859	-
- Chi phí thực hiện các dự án khác	3.513.494.215	-	3.229.907.537	-
- Sản phẩm dở dang	12.176.504.930	-	121.179.102.956	-
Cộng	437.490.004.059	-	362.061.285.583	-

(*) Dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng, tổ 39 và tổ 40 phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình theo hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) số 01/2015/HĐBT giữa Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình (UBND) và Công ty ký ngày 18/11/2015 đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, hợp đồng BT vẫn chưa được thanh quyết toán đối với UBND. Chi tiết một số thông tin của hợp đồng BT như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)

- Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp với quy mô 15 tầng, chiều cao 41,5 m, có tổng diện tích sàn 15.508,5 mét vuông bao gồm 289 căn hộ; nhà dịch vụ công cộng 2 tầng, cao 8,4m có tổng diện tích sàn 394 mét vuông;
- Tổng vốn đầu tư của dự án BT là 126.334.386.000 đồng và được điều chỉnh tổng vốn đầu tư là 202.752.232.000 đồng theo Phụ lục số 02/2019/PLHĐBT ngày 31/07/2019;
- Phương pháp thu hồi vốn của Nhà đầu tư: UBND thanh toán cho Công ty toàn bộ giá trị hợp đồng BT bằng việc đối trừ giá trị quyền sử dụng đất ở các dự án đối ứng và tiền bán 110 căn hộ thuộc dự án BT này, theo công thức: $(A - B - C) = \text{giá trị chênh lệch sau khi đối trừ}$. Trong đó:

A: Giá trị tiền thu từ việc giao quyền sử dụng đất ở của 3 dự án đối ứng và tiền bán 110 căn hộ thuộc dự án BT, cụ thể:

- Dự án đối ứng số 1: Khu dân cư tổ 39, 40 phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, diện tích 4.868,2 mét vuông.
- Dự án đối ứng số 2: Khu dân cư xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình, diện tích 104,149 mét vuông.
- Dự án đối ứng số 3: Khu dân cư phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, diện tích 3.790 mét vuông.

B: Chi phí đầu tư dự án đối ứng được tính trừ (bao gồm cả chi phí GPMB).

C: Giá trị hợp đồng BT được thanh, quyết toán (bao gồm cả chi phí GPMB).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	49.394.788.548	2.181.768.111
- Mua sắm	25.094.561.485	-
- Xây dựng cơ bản	24.300.227.063	2.181.768.111
Cộng	49.394.788.548	2.181.768.111

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	659.418.215	558.290.789
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	202.194.120	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	457.224.095	558.290.789
Dài hạn	8.182.042.604	9.671.511.537
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.182.237.466	8.139.109.414
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.999.805.138	1.532.402.123
Cộng	8.841.460.819	10.229.802.326

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	121.597.262.420	304.134.907.191	13.652.380.007	660.625.856	440.045.175.474
- Mua trong năm	5.539.618.128	-	9.590.000.001	-	15.129.618.129
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.829.560.864)	(919.839.524)	-	(10.749.400.388)
31/12/2023	127.136.880.548	294.305.346.327	22.322.540.484	660.625.856	444.425.393.215
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(62.648.483.197)	(190.227.239.612)	(7.078.445.272)	(576.311.922)	(260.530.480.003)
- Khấu hao trong năm	(6.593.005.400)	(26.835.375.348)	(1.380.473.958)	(24.817.733)	(34.833.672.439)
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.919.892.680	919.839.524	-	6.839.732.204
31/12/2023	(69.241.488.597)	(211.142.722.280)	(7.539.079.706)	(601.129.655)	(288.524.420.238)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	58.948.779.223	113.907.667.579	6.573.934.735	84.313.934	179.514.695.471
31/12/2023	57.895.391.951	83.162.624.047	14.783.460.778	59.496.201	155.900.972.977

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 số tiền là 146.202.556.280 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền là 179.008.028.779 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 số tiền là 36.701.831.086 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền là 34.795.235.271 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	TSCĐ vô hình khác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2023	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
31/12/2023	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2023	(1.107.318.584)	(360.000.000)	(1.467.318.584)
- Khấu hao trong năm	(96.265.320)	-	(96.265.320)
31/12/2023	(1.203.583.904)	(360.000.000)	(1.563.583.904)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2023	817.987.791	-	817.987.791
31/12/2023	721.722.471	-	721.722.471

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2023 số tiền là 721.722.471 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền là: 817.987.791 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2023 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 số tiền là: 360.000.000 đồng).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng cho thuê VND	Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp (*) VND	Cộng VND
Bất động sản đầu tư cho thuê			
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2023	-	79.480.882.796	79.480.882.796
- Tăng trong năm	21.356.724.173	39.210.487.202	60.567.211.375
31/12/2023	21.356.724.173	118.691.369.998	140.048.094.171
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2023	-	(79.480.882.796)	(79.480.882.796)
- Khấu hao trong năm	(137.632.223)	(39.210.487.202)	(39.348.119.425)
31/12/2023	(137.632.223)	(118.691.369.998)	(118.829.002.221)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2023	-	-	-
31/12/2023	21.219.091.950	-	21.219.091.950

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

(*) Bất động sản đầu tư được ghi nhận tăng trong năm tương ứng với phần diện tích đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu cho thuê trong năm đối với dự án Cụm Công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Phần cơ sở hạ tầng tại dự án khu công nghiệp mà Công ty ghi nhận doanh thu một lần được Công ty thực hiện trích khấu hao một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2023 cần được trình bày. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Công ty chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	70.487.248.560	47.301.921.421
- Human Dong Xin Group Co.,Ltd	-	7.983.939.474
- Light Shines (HK) Technology Limited	-	3.943.798.415
- Panca Sakti International PTE ltd	4.746.656.250	5.720.861.250
- Công ty TNHH Thương mại Jun và Rak	507.469.214	507.469.214
- Bà Nguyễn Thị Hương Giang	-	900.000.000
- Ban quản lý dự án Phú Xuân	-	271.722.155
- Công ty TNHH Đầu tư FUSHIFU Hồng Kông	-	3.851.623.920
- Khách hàng mua bất động sản	23.157.217.066	22.648.562.630
- Các đối tượng khác	42.075.906.030	1.473.944.363
Dài hạn	-	-
Cộng	70.487.248.560	47.301.921.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	56.876.908.979	56.876.908.979	99.700.934.998	99.700.934.998
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	42.348.312.940	42.348.312.940	84.372.966.459	84.372.966.459
- Nhà cung cấp trong nước	39.663.588.374	39.663.588.374	79.227.080.426	79.227.080.426
+ Công ty TNHH Dệt may Minh Thành Hà Nội	7.423.600.324	7.423.600.324	-	-
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hà Việt	1.370.570.128	1.370.570.128	1.370.570.128	1.370.570.128
+ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu API	-	-	5.016.959.128	5.016.959.128
+ Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	1.700.868.472	1.700.868.472	23.309.299.175	23.309.299.175
+ Công ty Cổ phần SHP	71.260.521	71.260.521	5.878.103.056	5.878.103.056
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghiệp Bê tông Hải Nam	963.647.014	963.647.014	5.703.585.514	5.703.585.514
+ Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Thái Bình	4.074.331.754	4.074.331.754	7.203.604.259	7.203.604.259
+ Phải trả người bán khác	24.059.310.161	24.059.310.161	30.744.959.166	30.744.959.166
- Nhà cung cấp nước ngoài	2.684.724.566	2.684.724.566	5.145.886.033	5.145.886.033
+ Ambica Cot Seeds Limited	99.333.780	99.333.780	99.333.780	99.333.780
+ Uday cotton industries	148.909.407	148.909.407	146.157.616	146.157.616
+ Textile enterprises limited	1.081.938.220	1.081.938.220	970.097.977	970.097.977
+ M/S Nakoda Enterprises	8.304.314	8.304.314	7.933.367	7.933.367
+ Saurer Technologies GMBH & CO. KG Elastomer Components	3.084.900	3.084.900	2.610.000.538	2.610.000.538
+ Phải trả người bán khác	1.343.153.945	1.343.153.945	1.312.362.755	1.312.362.755
Phải trả cho nhà thầu xây lắp	14.528.596.039	14.528.596.039	15.327.968.539	15.327.968.539
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	14.528.596.039	14.528.596.039	9.761.481.139	9.761.481.139
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	-	5.566.487.400	5.566.487.400
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	56.876.908.979	56.876.908.979	99.700.934.998	99.700.934.998
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.700.868.472	1.700.868.472	28.326.258.303	28.326.258.303
(Thuyết minh chi tiết số 40)				

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.287.362.810	42.201.438.451	51.048.256.178	1.440.545.083
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	48.414.669	48.414.669	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.063.421.693	23.325.615.191	15.772.395.752	34.616.641.132
- Thuế thu nhập cá nhân	33.070.290	407.425.371	386.933.642	53.562.019
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.256.353	1.103.760.823	1.106.017.176	-
- Các loại thuế khác	-	13.602.600.000	13.602.600.000	-
Cộng	37.386.111.146	80.689.254.505	81.964.617.417	36.110.748.234
	01/01/2023	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	410.166.708	407.398.656	2.768.052
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	7.131.504	-	4.512.708	2.618.796
Cộng	7.131.504	410.166.708	411.911.364	5.386.848

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	822.086.341.013	822.086.341.013	2.033.832.116.790	1.923.130.903.039	711.385.127.262	711.385.127.262
- Vay ngắn hạn	793.106.338.399	793.106.338.399	2.003.162.597.676	1.874.665.886.539	664.609.627.262	664.609.627.262
Vay ngắn hạn bằng VND	552.304.253.299	552.304.253.299	1.092.484.061.877	990.705.464.362	450.525.655.784	450.525.655.784
+ Vay cá nhân	-	-	-	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (1)	168.350.000.000	168.350.000.000	315.597.040.547	269.170.090.547	121.923.050.000	121.923.050.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (2)	228.916.400.065	228.916.400.065	533.109.168.096	556.304.373.815	252.111.605.784	252.111.605.784
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	21.200.000.000	21.200.000.000	21.200.000.000	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình (4)	8.884.220.331	8.884.220.331	40.484.220.331	46.765.000.000	15.165.000.000	15.165.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	32.726.000.000	32.726.000.000	32.726.000.000
+ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình (7)	13.984.730.212	13.984.730.212	26.324.730.212	29.940.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000
+ Ngân hàng SinoPac - Thành phố HCM (10)	67.000.000.000	67.000.000.000	111.800.000.000	44.800.000.000	-	-
+ Ngân hàng Thương Mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương (9)	43.968.902.691	43.968.902.691	43.968.902.691	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn bằng USD	240.802.085.100	240.802.085.100	910.678.535.799	883.960.422.177	214.083.971.478	214.083.971.478
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (1)	28.302.780.000	28.302.780.000	221.583.074.395	241.536.924.395	48.256.630.000	48.256.630.000
+ Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Thái Bình (6)	37.899.840.000	37.899.840.000	130.962.931.000	129.820.861.000	36.757.770.000	36.757.770.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (2)	66.361.270.100	66.361.270.100	207.561.435.674	151.869.198.881	10.669.033.307	10.669.033.307
+ Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thái Bình (3)	42.768.175.000	42.768.175.000	112.850.645.000	124.925.768.171	54.843.298.171	54.843.298.171
+ Ngân hàng TNHH Indovina (5)	22.222.200.000	22.222.200.000	34.758.430.000	35.830.930.000	23.294.700.000	23.294.700.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	-	-	176.750.000	8.487.500.000	8.310.750.000	8.310.750.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	37.509.120.000	37.509.120.000	86.841.578.200	65.350.208.200	16.017.750.000	16.017.750.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội	-	-	48.662.747.530	57.060.787.530	8.398.040.000	8.398.040.000
+ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình	-	-	15.334.180.000	22.870.180.000	7.536.000.000	7.536.000.000
+ Ngân hàng Thương Mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương (9)	5.738.700.000	5.738.700.000	9.597.060.000	3.858.360.000	-	-
+ Ngân hàng SinoPac - Thành phố HCM	-	-	34.092.500.000	34.092.500.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Đa	-	-	8.257.204.000	8.257.204.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả bằng VND	7.593.750.000	7.593.750.000	7.153.750.000	16.425.000.000	16.865.000.000	16.865.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô (2)	5.393.750.000	5.393.750.000	5.393.750.000	14.225.000.000	14.225.000.000	14.225.000.000
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (3)	2.200.000.000	2.200.000.000	1.760.000.000	2.200.000.000	2.640.000.000	2.640.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả bằng USD	21.386.252.614	21.386.252.614	23.515.769.114	32.040.016.500	29.910.500.000	29.910.500.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (1)	21.386.252.614	21.386.252.614	23.515.769.114	32.040.016.500	29.910.500.000	29.910.500.000
b) Vay dài hạn	70.533.179.796	70.533.179.796	62.024.915.276	51.385.085.084	59.893.349.604	59.893.349.604
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (3)	7.480.000.000	7.480.000.000	-	1.760.000.000	9.240.000.000	9.240.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô (2)	7.428.333.333	7.428.333.333	-	18.725.000.000	26.153.333.333	26.153.333.333
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (1)	1.416.666.667	1.416.666.667	-	23.083.349.604	24.500.016.271	24.500.016.271
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	37.630.659.866	37.630.659.866	37.630.659.866	-	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế (5),(6)	16.577.519.930	16.577.519.930	24.394.255.410	7.816.735.480	-	-
Cộng	892.619.520.809	892.619.520.809	2.133.487.691.932	1.974.515.988.123	771.278.476.866	771.278.476.866

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:***

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-202301019 ngày 12 tháng 10 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất từng thời kỳ;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh niên độ 2023 – 2024 các mặt hàng sợi cộc, khăn bông cao cấp, khăn tay bông thủ công, bông, sợi cộc gia công;
 - Thời hạn hợp đồng: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 196.652.780.000 đồng (bao gồm 168.350.000.000 VND, 1.159.000 USD);
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202301019 ngày 12 tháng 10 năm 2023:
- Giá trị toàn bộ phần Hạ tầng kỹ thuật nhà máy Damsan II và các công trình xây dựng trên các thửa đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 440/HĐTC ký ngày 25/09/2012 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 31/10/2022 giữa Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô và Công ty Cổ phần Damsan.
 - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu giữa Công ty Cổ phần Damsan và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô với tổng giá trị 70.000.000.000 đồng được nêu trong Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202301019 ngày 12 tháng 10 năm 2023.
 - Trái phiếu phát hành ngày 24/09/2019 giữa bà Vũ Phương Diệp và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô với tổng giá trị 20.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 1201-2021/HĐCC/TĐ-VPD ký ngày 12/11/2022.
 - Giá trị toàn bộ công trình xây dựng của trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp An Ninh giữa Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Tây Đô và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2333 ký ngày 26/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp):**

- (2) (a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/2127123/HDTD ngày 27 tháng 02 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 170.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ;
 - Thời hạn hợp đồng: Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27 tháng 02 năm 2024;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 169.660.260.285 đồng (bao gồm 103.298.990.185 VND, 2.718.610 USD);
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Giá trị toàn bộ tài sản gắn liền với đất được nêu trong Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2023/2127123/HĐBĐ ký ngày 18/09/2023 giữa Công ty Cổ phần Damsan và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình.
- (b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/7217771/HĐTD ngày 27/01/2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 137.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất;
 - Thời hạn hợp đồng: đến hết ngày 15/01/2024;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 125.617.409.880 đồng;
 - Khoản vay được đảm bảo theo các Hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT1360-DAMSAN ngày 16 tháng 05 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 63.968.175.000 đồng (bao gồm 21.200.000.000 VND, 1.751.000 USD);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp):***

- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT1360-DAMSAN ngày 16 tháng 05 năm 2023:
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2019/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 23/10/2019, số 01/2020/HĐBĐ/NHCT360 ngày 11/03/2020, số 02/2022/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HĐTG ngày 08/07/2022 và số 01/2023/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HĐTG ngày 13/01/2023;
 - Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải số 02/2021/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 30/11/2021 và số 01/2022/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 25/05/2022;
 - Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 04/2021/HĐBĐ/NHCT360-QTS ngày 30/11/2021 và số 05/2021/HĐBĐ/NHCT360-QTS ngày 30/11/2021;
 - Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN;
 - Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 03/2021/HĐBĐ/NHCT1360-HTK ngày 30 tháng 11 năm 2021.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19 tháng 12 năm 2022 với các điều khoản:
 - Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 8.884.220.331 đồng;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thái Bình theo danh mục tài sản bảo đảm đính kèm hợp đồng tín dụng hạn mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19 tháng 12 năm 2022.
 - Hàng hóa (Bông, khăn móc,...) hình thành từ các hợp đồng kinh tế theo danh mục tài sản bảo đảm đính kèm Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 94427.22755.1155640.TD ngày 19 tháng 12 năm 2022.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2059/IVB – HĐHMTD/2023 ngày 06 tháng 12 năm 2023 với các điều khoản:
 - Hạn mức tín dụng: 1.000.000 USD;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp):**

- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 22.222.200.000 đồng (tương đương 910.000 USD);
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TNHH INDOVINA với tổng trị giá 28.493.000.000 đồng, có nêu tại Hợp đồng tín dụng số 2063/TVB – HĐCC/2023 ngày 06 tháng 12 năm 2023, các phụ lục, hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp và các chứng từ khác có liên quan.
- (6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 037/2023/HĐTD/BacABank.140 ký ngày 10 tháng 03 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Để bổ sung vốn mở LC nhập khẩu Bông;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 37.899.840.000 đồng (tương đương 1.552.000 USD);
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong Hợp đồng tín dụng số 037/2023/HĐTD/ BacABank.140 ký ngày 10 tháng 03 năm 2023:
- Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 206-1/2021/HĐCC/BacABank.140 ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình và bà Vũ Phương Diệp và Phụ lục Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số PL01, 02, 03, 04-206-1/2021/HĐCC/BacABank.140 giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình và bà Vũ Phương Diệp.
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 034-1/2022/HĐCC/BacABank.140 ngày 08 tháng 04 năm 2022 giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình và Công ty Cổ phần Damsan và Phụ lục Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số PL01-034-1/2022/HĐCC/BacABank.140 ngày 10 tháng 03 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình và Công ty Cổ phần Damsan.
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 034-2/2022/HĐCC/BacABank.140 ngày 12 tháng 04 năm 2022 giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình và Công ty Cổ phần Damsan và Phụ lục Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số PL01-034-2/2022/HĐCC/BacABank.140 ngày 10 tháng 03 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP Bắc Á – Chi nhánh Thái Bình và Công ty Cổ phần Damsan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp):**

- (7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 1655805.23 ký ngày 12 tháng 12 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi, khăn bông các loại;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 13.984.730.212 đồng;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong Hợp đồng tín dụng số 6248559.22 ký ngày 09 tháng 08 năm 2022:
 - Hàng hóa hình thành trong tương lai là Bông nguyên liệu.
 - Giấy tờ có giá của Công ty Cổ phần Damsan hoặc bên thứ 3 do Ngân hàng TMCP Quốc tế tại Thái Bình phát hành.
- (8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 028/2023/HMTD/PVBTB-DAMSAN ký ngày 28 tháng 10 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 37.509.120.000 đồng (tương đương 1.536.000 USD);
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn hoặc sổ tiết kiệm của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình ủy quyền hợp pháp có giá trị là 10.000.000.000 đồng. Giá trị tối thiểu 30% giá trị cấp tín dụng. Phần hạn mức còn lại không có tài sản bảo đảm.
- (9) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương theo Hợp đồng tín dụng số 0298/2023/HĐCV/OCEANBANK.CN THÁI BÌNH ký ngày 27 tháng 06 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn;
 - Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 49.707.602.691 đồng (bao gồm 43.968.902.691 VND, 235.000 USD);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp):***

- Phương thức đảm bảo tiền vay:
 - Tại mọi thời điểm, tối thiểu 50% tổng dư nợ cấp tín dụng được bảo đảm bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng Thương mại TNHH Một Thành Viên Đại Dương với tổng giá trị 25.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0298/2023/HĐCV/OCEANBANK.CN THÁI BÌNH ký ngày 27 tháng 06 năm 2023.
 - Đối với dư nợ cấp tín dụng còn lại, Công ty sử dụng biện pháp bảo đảm tăng cường là quyền tài sản bao gồm nhưng không giới hạn được nêu trong hợp đồng tín dụng số 0298/2023/HĐCV/ OCEANBANK.CN THÁI BÌNH ký ngày 27 tháng 06 năm 2023.

(10) Khoản vay Ngân hàng SinoPac – TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 23/004 ký ngày 20 tháng 02 năm 2023 với các điều khoản:

- Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 USD;
- Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn;
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 67.000.000.000 đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Damsan tại Ngân hàng Sinopac – TP Hồ Chí Minh với tổng giá trị 17.300.000.000 đồng được nêu trong Hợp đồng tín dụng số 23/004 ký ngày 20 tháng 02 năm 2023.

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

- (1) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7217771/HĐTD ngày 28/10/2015, phụ lục hợp đồng ngày 09/08/2017. Tổng số tiền vay tại thời điểm 31/12/2023 là 940.297,83 USD, với thời hạn vay 102 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Mỗi khoản vay có thời hạn là 180 ngày và ân hạn trong 6 tháng, lãi suất theo từng khế ước. Mục đích vay: đầu tư xây dựng và mua máy móc thiết bị nhà máy kéo sợi Eiffel. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị hình thành từ khoản vay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô 159/14/KCN Gia Lễ, Đông xuân, Đông Hưng, Thái Bình.
- (2) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô Theo Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202000861 ngày 26/11/2020. Tổng số tiền vay tại thời điểm 31/12/2023 là 9.725.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (ân hạn trả nợ gốc trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc được tính từ ngày giải ngân đầu tiên tới ngày Dự án chính thức có đủ nguồn thu để trả nợ). Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Thực hiện dự án khu công nghiệp An Ninh. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành trong tương lai từ Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**Chi tiết các khoản vay dài hạn (tiếp):**

- (3) Khoản vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 01/21/TDĐT-QTM/EFL ký ngày 26/04/2021; Số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là 15.470.000.000 đồng. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2023 là 6.600.000.000 đồng. Thời hạn khoản vay là 07 năm kể từ ngày nhận nợ, mục đích khoản vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án Nhà máy xử lý nước thải cụm Công nghiệp An Ninh, lãi suất cho vay là 2,6%/năm.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT1360-DAMSAN với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng;
 - Lãi suất: Lãi suất được quy định trong mỗi khế ước nhận nợ cụ thể;
 - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng cho thuê tại Cụm công nghiệp An Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình;
 - Thời hạn hợp đồng: 96 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 37.630.659.866 đồng;
 - Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được nêu trong Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT1360-DAMSAN:
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2019/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 23/10/2019.
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2020/HĐBĐ/NHCT360 ngày 11/03/2020.
 - Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải số 02/2021/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 30/11/2021.
 - Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN.
 - Hợp đồng thế chấp hàng hoá số 03/2021/HĐBĐ/NHCT360-HTK ngày 30/11/2021.
 - Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 04/2021/HĐBĐ/NHCT360-QTS ngày 30/11/2021.
 - Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 05/2021/HĐBĐ/NHCT360-QTS ngày 30/11/2021.
 - Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông vận tải số 01/2022/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN ngày 25/05/2022.
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2022/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HĐTG ngày 08/07/2022.
 - Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2023/HĐBĐ/NHCT360-DAMSAN-HĐTG ngày 13/01/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản vay dài hạn (tiếp):

- (5) Khoản vay Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2023-00045-000 ký ngày 21 tháng 04 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 165.385 USD;
 - Lãi suất: Lãi suất thuê là tổng gộp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định. Lãi suất cơ bản là lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng: 4.89779%/năm, lãi suất chỉ định 2.44417%/năm;
 - Mục đích vay: Thanh toán 2 đầu máy dệt khăn;
 - Thời hạn hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày vay;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 2.810.893.842 đồng.
- (6) Khoản vay Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2023-00044-000 ký ngày 21 tháng 04 năm 2023 với các điều khoản:
- Hạn mức tín dụng: 955.000 USD
 - Lãi suất: Lãi suất thuê là tổng gộp lãi suất cơ bản và lãi suất chỉ định. Lãi cơ bản là lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng: 4.89779%/năm, lãi suất chỉ định 2.44417%/năm;
 - Mục đích vay: Thanh toán dây chuyền máy dệt 10 máy jacka;
 - Thời hạn hợp đồng: 48 tháng kể từ ngày vay;
 - Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023: 13.525.957.156 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.984.292.624	3.791.252.075
- Chi phí lãi vay	2.984.292.624	3.791.252.075
+ Lãi trái phiếu phải trả	1.175.318.074	3.123.287.671
+ Chi phí lãi vay ngân hàng	1.808.974.550	667.964.404
Dài hạn	-	-
Cộng	2.984.292.624	3.791.252.075

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.186.433.493	-
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	3.186.433.493	-
b) Dài hạn	3.258.594.668	-
- Doanh thu cho thuê nhà xưởng	3.258.594.668	-
Cộng	6.445.028.161	-

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	472.919.610.394	457.873.962.793
- Kinh phí công đoàn	892.105.151	1.213.955.470
- Bảo hiểm xã hội	14.856.737	17.985.587
- Bảo hiểm y tế	16.134.877	22.779.082
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.920.416	7.615.816
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.007.750.000	8.182.750.000
- Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân (1)	255.375.496.620	255.375.496.620
- Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung (2)	37.318.547.571	37.318.547.571
- Phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Bồ Xuyên	48.267.095.103	-
- Phí bảo trì tòa nhà	1.467.578.802	2.946.098.977
- Thu tiền ứng vốn dự án (4)	104.125.918.052	138.996.971.073
- Thu tiền hợp tác thực hiện Dự án BQT Cầu Ngàn	200.000.000	440.000.000
- Phải trả khác	17.227.207.065	13.351.762.597
Dài hạn	8.982.902.513	1.915.311.067
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.982.902.513	1.915.311.067
Cộng	481.902.512.907	459.789.273.860

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)

- (1) Đây là khoản phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân, Dự án khu dân cư xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở theo Quyết định số 312/UBND-CTXDGT ngày 29/01/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (2) Đây là khoản phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Quang Trung, Dự án khu dân cư tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình được chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở theo Quyết định số 314/UBND-CTXDGT ngày 29/01/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (3) Đây là khoản phải trả tiền đất khu nhà ở liền kề khu Bồ Xuyên, dự án khu dân cư phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình được chấp thuận theo Quyết định số 1616/UBND ngày 08/05/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình. Hiện tại Dự án chưa thực hiện quyết toán với UBND tỉnh Thái Bình.
- (4) Khoản phải trả liên quan đến tiền ứng vốn thực hiện dự án khu dân cư phường Bồ Xuyên, Phú Xuân, Quang Trung.

24. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	31/12/2023	01/01/2023 (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi		
- Cơ cấu vốn chủ sở hữu	1.076.949.952	5.424.054.503
- Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	29.835.170.866	98.063.885.229
Cộng	30.912.120.818	103.487.939.732

Tại ngày 21/03/2022, Công ty phát hành 100.000 trái phiếu ADSH 2224001 với mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/trái phiếu; tổng mệnh giá phát hành là 100.000.000.000 đồng; kỳ hạn trái phiếu: 2 năm với lãi suất 4%/năm. Kỳ tính lãi và thanh toán lãi là thời hạn 1 năm liên tục bắt đầu từ ngày phát sinh. Đây là loại trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo. Mục đích sử dụng nguồn vốn: trả nợ vay ngân hàng.

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện phát hành 7.000.000 cổ phiếu, với giá chuyển đổi 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ chuyển đổi 1:100 để thực hiện chuyển đổi 700.000 trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết số 21032023/NQQ-HĐQT, ngày 21/03/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	380.694.500.000	60.125.420.714	-	2.294.024.276	10.410.274.952	89.238.568.278	41.139.534.436	583.902.322.656
- Tăng trong năm trước	-	-	5.424.054.503	-	-	-	-	5.424.054.503
- Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	67.400.984.768	7.542.608.114	74.943.592.882
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	57.095.840.000	-	-	-	-	(57.095.840.000)	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(7.175.000.000)	(7.175.000.000)
31/12/2022	437.790.340.000	60.125.420.714	5.424.054.503	2.294.024.276	10.410.274.952	99.543.713.046	41.507.142.550	657.094.970.041
01/01/2023	437.790.340.000	60.125.420.714	5.424.054.503	2.294.024.276	10.410.274.952	99.543.713.046	41.507.142.550	657.094.970.041
- Chuyển đổi trái phiếu	70.000.000.000	2.512.883.221	(4.347.104.551)	-	-	-	-	68.165.778.670
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	(3.816.204.759)	128.816.204.759	125.000.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	58.427.517.704	16.562.525.814	74.990.043.518
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	76.156.930.000	-	-	-	-	(76.156.930.000)	-	-
- Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	-	(7.000.000.000)	(7.000.000.000)
31/12/2023	583.947.270.000	62.638.303.935	1.076.949.952	2.294.024.276	10.410.274.952	77.998.095.991	179.885.873.123	918.250.792.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2407/2023/NQ-HĐQT, ngày 24/07/2023 Công ty đã thông qua kết quả phát hành 7.615.693 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

(**) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 ngày 01/07/2023 và Nghị quyết số 01.07.23/NQ-HĐQT ngày 01/07/2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng tiền năm 2022 với tỷ lệ 20% mệnh giá tính trên số phiếu góp vốn trước khi tăng vốn.

25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Ông Vũ Huy Đông	92.062.840.000	15,77%	80.054.650.000	18,29%
- Ông Vũ Huy Đức	33.824.890.000	5,79%	25.912.950.000	5,92%
- Ông Đỗ Đức Khang	30.581.740.000	5,24%	26.592.830.000	6,07%
- Ông Nguyễn Lê Hùng	33.120.430.000	5,67%	21.800.380.000	4,98%
- Các Cổ đông khác	394.357.370.000	67,53%	283.429.530.000	64,74%
Cộng	583.947.270.000	100%	437.790.340.000	100%

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	437.790.340.000	380.694.500.000
+ Vốn góp tăng trong năm	146.156.930.000	57.095.840.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	583.947.270.000	437.790.340.000

25.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.394.727	43.779.034
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.394.727	43.779.034
+ Cổ phiếu phổ thông	58.394.727	43.779.034
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.394.727	43.779.034
+ Cổ phiếu phổ thông	58.394.727	43.779.034
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**25.5 CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN LƯU HÀNH TRONG NĂM**

	Năm 2023	Năm 2022
	CP	CP
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	43.779.034	38.069.450
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	8.365.976	1.470.413
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	52.145.010	39.539.863

25.6 CÁC QUỸ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.410.274.952	10.410.274.952
Cộng	10.410.274.952	10.410.274.952

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
- Yên Nhật (JPY)	54.000	-
- Dollar Mỹ (USD)	215.025,79	1.209,30
- Euro (EUR)	101,60	101,60

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	1.641.849.464.703	1.692.604.265.015
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.414.748.368.359	1.413.252.897.571
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.935.086.846	14.973.560.476
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	178.219.714.958	264.305.296.539
- Doanh thu khác	13.946.294.540	72.510.429
Cộng	1.641.849.464.703	1.692.604.265.015
Doanh thu với các bên liên quan - (Thuyết minh số 40)	418.131.764.590	342.959.674.396

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.260.826.092.697	1.372.253.755.523
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	87.830.261.681	14.482.303.410
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	65.340.898.978	168.252.498.069
- Giá vốn khác	41.828.521.192	70.131.485
Cộng	1.455.825.774.548	1.555.058.688.487

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.887.688.253	17.243.409.574
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	16.838.003.942	7.560.849.977
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.069.117.631	9.273.995.123
Cộng	46.794.809.826	34.078.254.674

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	59.589.188.333	44.353.769.091
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.078.709.248	28.768.903.544
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.005.247.650	1.696.165.994
- Chi phí tài chính khác	371.180.096	1.611.375.674
Cộng	87.044.325.327	76.430.214.303

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	36.537.439.750	29.996.528.239
- Chi phí nhân viên quản lý	7.371.128.909	9.204.474.271
- Chi phí vật liệu quản lý	2.990.587.305	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.532.176.389	1.913.931.733
- Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	4.015.002.127	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.801.857.822	17.092.161.567
- Chi phí bằng tiền khác	826.687.198	1.785.960.668
Các khoản chi phí bán hàng	13.263.117.610	17.223.196.686
- Chi phí nhân viên	691.143.610	647.142.797
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.357.653.915	16.393.853.635
- Chi phí bằng tiền khác	214.320.085	182.200.254
Cộng	49.800.557.360	47.219.724.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	279.004.941	39.444.245.708
- Tiền phạt thu được	2.335.000.000	-
- Các khoản khác	930.133.257	21.094.289
Cộng	3.544.138.198	39.465.339.997

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Các khoản bị phạt, chi phí không hợp lý hợp lệ	1.213.479.976	962.383.248
- Các khoản chi phí khác	4.411.082.529	1.314.836.927
Cộng	5.624.562.505	2.277.220.175

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.256.574.395	11.256.354.291
Cộng	11.256.574.395	11.256.354.291

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	212.319.830	35.450.845
Cộng	212.319.830	35.450.845

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	625.420.672.515	815.880.656.317
- Chi phí nhân công	52.915.386.946	104.817.420.299
- Khấu hao tài sản cố định	74.278.057.184	39.877.759.208
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	168.642.491.630	65.297.539.077
- Chi phí bằng tiền khác	16.808.566.075	38.117.188.660
Cộng	938.065.174.350	1.063.990.563.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	58.427.517.704	67.400.984.768
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	58.427.517.704	67.400.984.768
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	52.145.010	39.539.863
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.120	1.705

38. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế (VND)	58.427.517.704	67.400.984.768
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông (VND)	58.427.517.704	49.539.863
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (CP)	52.145.010	39.539.863
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	15.000.000	10.000.000
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/CP)	870	1.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Năm 2023****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Hoạt động kinh doanh Khác	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	225.296.910.042	709.115.584.878	347.600.086.279	178.219.714.958	181.617.168.546	1.641.849.464.703
Chi phí bộ phận trực tiếp	211.076.255.600	733.765.465.976	318.431.425.684	65.340.898.978	127.211.728.310	1.455.825.774.548
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.220.654.442	(24.649.881.098)	29.168.660.595	112.878.815.980	54.405.440.236	186.023.690.155

Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	882.865.564.158	758.983.900.545	1.641.849.464.703
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	85.252.409.739	-	85.252.409.739
Tài sản bộ phận			2.500.226.075.319
Nợ phải trả bộ phận			1.585.541.464.673

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Năm 2022****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh Bông	Hoạt động kinh doanh Sợi	Hoạt động kinh doanh Khăn	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Hoạt động kinh doanh Khác	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	87.742.729.159	843.186.425.783	349.069.997.077	264.305.296.539	148.299.816.457	1.692.604.265.015
Chi phí bộ phận trực tiếp	77.329.037.400	864.822.766.246	325.881.820.393	168.252.498.069	118.772.566.379	1.555.058.688.487
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.413.691.759	(21.636.340.463)	23.188.176.684	96.052.798.470	29.527.250.078	137.545.576.528

Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn Công ty
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	913.884.578.130	778.719.686.885	1.692.604.265.015
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	4.140.918.906	-	4.140.918.906
Tài sản bộ phận			2.181.694.751.879
Nợ phải trả bộ phận			1.524.599.781.838

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:	3.297.500.617	3.454.627.159
Ông Vũ Huy Đông	681.944.564	675.314.418
Ông Nguyễn Lê Hùng	130.000.000	111.000.000
Ông Đỗ Văn Khôi	169.000.000	147.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	130.000.000	111.000.000
Ông Vũ Huy Đức	418.396.728	442.255.366
Bà Vũ Phương Diệp	423.481.738	442.338.965
Ông Phạm Văn Thượng	130.000.000	111.000.000
Ông Vương Quốc Dương	562.160.806	561.783.227
Ông Lê Xuân Chiến	487.884.089	509.194.087
Nguyễn Thiên Huy	164.632.692	343.741.096
Thù lao của Ban kiểm soát	587.409.959	582.381.979
Bà Phạm Thị Hồi	212.232.542	231.009.203
Bà Vũ Thùy Linh	226.680.514	212.916.444
Bà Tạ Thị Thu Hiền	148.496.903	138.456.332
Cộng	3.884.910.575	4.037.009.138

41. THÔNG TIN KHÁC**41.1 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Damsan đã thông qua Nghị quyết số 15012024/NQ-HĐQT về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu hợp nhất lẻ. Theo đó, tổng số cổ phiếu chào bán là 15.000.000 cổ phiếu, tổng số cổ phiếu lưu hành sau đợt chào bán cổ phiếu là 73.394.727 cổ phiếu, số tiền thu về là 150.000.000.000 (một trăm năm mươi tỷ đồng).

Ngày 04 tháng 03 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 111/QĐ-SGDHCM, về việc thay đổi đăng ký niêm yết. Theo đó, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty Cổ phần Damsan được thay đổi đăng ký niêm yết với số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 73.394.727 cổ phiếu, giá trị chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 733.947.270.000 đồng.

41.2 CÁC CAM KẾT KHÁC

Theo hợp đồng thuê đất số 68/HĐ/TĐ ngày 01/09/2006 giữa Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan (nay là Công ty Cổ phần Damsan) và Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty thuê diện tích đất 22.253 m² tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thành phố Thái Bình để xây dựng nhà máy kéo sợi dệt may (hiện tại là nhà máy Damsan I). Tiền thuê đất hợp đồng này được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh,
phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**41.2 CAM KẾT KHÁC (TIẾP)**

Theo hợp đồng thuê đất số 78/HĐ/TĐ ngày 25/07/2007 giữa Công ty Cổ phần dệt sợi Damsan (nay là Công ty Cổ phần Damsan) và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty thuê diện tích đất 60.000 m², thời hạn thuê tới hết ngày 31/12/2040 tại khu công nghiệp Gia Lễ - xã Đông Xuân - Đông Hưng để xây dựng nhà máy sản xuất sợi Damsan II. Theo phụ lục hợp đồng thuê đất số 19/PLHĐ/TĐ ngày 23/02/2016 về việc điều chỉnh diện tích đất thuê thành 36.431,6 m². Tiền thuê đất hợp đồng này được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Theo hợp đồng thuê đất số 06/2022/HĐTĐES-DS, giữa Công ty Cổ phần Damsan và Công ty Cổ phần Sợi Eiffel giá trị hợp đồng 54.127.790.123 đồng, thời hạn hợp đồng kết thúc vào ngày 04/09/2067. Tiền thuê đất hợp đồng này sẽ được phân bổ hàng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Thái Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Thị Dung

Phạm Thị Dung

Vũ Huy Đông



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình

Điện thoại: +84 2273.643.826

Email: hc1@damsanjsc.vn

Website: <http://damsanjsc.vn>